

TỔNG CÔNG TY ĐẦU TƯ VÀ KINH DOANH VỐN NHÀ NƯỚC KHUYẾN CÁO CÁC NHÀ ĐẦU TƯ TIỀM NĂNG NÊN THAM KHẢO BẢN CÔNG BỐ THÔNG TIN NÀY VÀ QUY CHẾ BÁN ĐẤU GIÁ TRƯỚC KHI QUYẾT ĐỊNH ĐĂNG KÝ THAM GIA ĐẤU GIÁ. VIỆC CHÀO BÁN CỔ PHẦN NÀY KHÔNG PHẢI LÀ ĐỢT CHÀO BÁN ĐỂ HUY ĐỘNG VỐN CHO CÔNG TY MÀ CHỈ LÀM THAY ĐỔI TỶ LỆ SỞ HỮU TRONG CƠ CẤU CỔ ĐÔNG VÀ KHÔNG LÀM THAY ĐỔI MỨC VỐN ĐIỀU LỆ ĐÃ ĐĂNG KÝ CỦA CÔNG TY

BẢN CÔNG BỐ THÔNG TIN

VỀ VIỆC CHUYỂN NHƯỢNG VỐN CỦA TỔNG CÔNG TY ĐẦU TƯ VÀ KINH DOANH VỐN NHÀ NƯỚC ĐẦU TƯ TẠI CÔNG TY CỔ PHẦN DU LỊCH LÂM ĐỒNG

TỔ CHỨC LÀ CHỦ SỞ HỮU VỐN CHUYỂN NHƯỢNG



SCIC

TỔNG CÔNG TY ĐẦU TƯ VÀ KINH DOANH VỐN NHÀ NƯỚC

Địa chỉ: Số 117 Trần Duy Hưng, phường Trung Hòa, quận Cầu Giấy, thành phố Hà Nội.

Điện thoại: (84-24) 3824 0703 – Fax: (84-24) 6278 0136

Website: www.scic.vn

TỔ CHỨC CÓ VỐN CỦA DOANH NGHIỆP NHÀ NƯỚC CHUYỂN NHƯỢNG



CÔNG TY CỔ PHẦN DU LỊCH LÂM ĐỒNG

Trụ sở chính: Số 01 Lê Đại Hành, phường 1, thành phố Đà Lạt, tỉnh Lâm Đồng.

Điện thoại: 02633 823829 – Fax: 02633 810363

Website: <https://dalattourist.com.vn/>

TỔ CHỨC TƯ VẤN VÀ THỰC HIỆN ĐẤU GIÁ



CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN NGÂN HÀNG CÔNG THƯƠNG VIỆT NAM – CHI NHÁNH ĐÀ NẴNG

Địa chỉ: Tầng 8, số 36 Trần Quốc Toàn, phường Hải Châu I, quận Hải Châu, thành phố Đà Nẵng.

Điện thoại: (024) 3974 1771 - Fax: (0236) 3884 788

Website: www.cts.vn



THÔNG TIN CHUNG VỀ ĐỢT ĐỢT CHUYỂN NHƯỢNG VỐN

- Tên tổ chức chào bán cổ phần : Tổng Công ty Đầu tư và Kinh doanh Vốn Nhà Nước
- Tên cổ phần chào bán : Cổ phần Công ty Cổ phần Du lịch Lâm Đồng
- Loại cổ phần chào bán : Cổ phần phổ thông, tự do chuyển nhượng
- Tổng số lượng cổ phần dự kiến chuyển nhượng : 4.638.124 cổ phần (Tương đương 11,71% tổng số cổ phần đã phát hành của Công ty)
- Tổng giá trị theo mệnh giá : 46.381.247.122 đồng (*Bốn mươi sáu tỷ, ba trăm tám mươi một triệu, hai trăm bốn mươi bảy nghìn, một trăm hai mươi hai đồng*)
- Giá khởi điểm lô cổ phần : 138.764.000.000 đồng/lô cổ phần
- Bước giá : 1.000.000 đồng/lô cổ phần
- Phương thức chuyển nhượng vốn : Bán đấu giá công khai cả lô
- Địa điểm tổ chức đấu giá : Công ty cổ phần Du lịch Lâm Đồng
- Chuyển quyền sở hữu : Chuyển nhượng trực tiếp tại Tổ chức phát hành



MỤC LỤC

THÔNG TIN CHUNG VỀ ĐỢT ĐỢT CHUYÊN NHƯỢNG VỐN	1
I. CÁC NHÂN TỐ RỦI RO	7
1. Rủi ro về kinh tế	7
2. Rủi ro pháp luật	9
3. Rủi ro đặc thù của công ty	10
4. Rủi ro từ đợt chào bán	10
5. Rủi ro khác	10
II. NHỮNG NGƯỜI CHỊU TRÁCH NHIỆM CHÍNH ĐỐI VỚI NỘI DUNG BẢN CÔNG BỐ THÔNG TIN	11
1. Tổ chức là chủ sở hữu vốn chuyên nhượng	11
2. Tổ chức có vốn của doanh nghiệp Nhà nước chuyên nhượng	11
3. Tổ chức tư vấn	11
III. CÁC KHÁI NIỆM	13
IV. GIỚI THIỆU VỀ TỔ CHỨC LÀ CHỦ SỞ HỮU VỐN CHUYÊN NHƯỢNG	14
V. TÌNH HÌNH VÀ ĐẶC ĐIỂM CỦA CÔNG TY CÓ VỐN CỦA DOANH NGHIỆP NHÀ NƯỚC CHUYÊN NHƯỢNG	16
1. Tóm tắt quá trình hình thành và phát triển	16
2. Cơ cấu tổ chức của Công ty	20
3. Hoạt động kinh doanh của Công ty qua các năm	22
4. Báo cáo kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty	26
5. Vị thế của Công ty so với các doanh nghiệp khác trong cùng ngành	28
6. Chính sách đối với người lao động	29
7. Chính sách cổ tức	30
8. Tình hình tài chính	30
9. Hội đồng Quản trị, Ban Tổng Giám đốc, Ban Kiểm soát, Kế toán trưởng	39
10. Tài sản	40
11. Kế hoạch sản xuất kinh doanh của Công ty	47
12. Thông tin về những cam kết nhưng chưa thực hiện của Công ty	49
13. Các thông tin, các tranh chấp kiện tụng liên quan tới Công ty mà có thể ảnh hưởng đến giá cổ phần khi chuyển nhượng vốn	49
VI. THÔNG TIN VỀ VIỆC TỔ CHỨC THỰC HIỆN CHUYÊN NHƯỢNG VỐN	50
1. Tên cổ phần chuyên nhượng	50



2. Loại cổ phần	50
3. Mệnh giá.....	50
4. Tổng số cổ phần dự kiến chuyển nhượng.....	50
5. Giá khởi điểm một lô cổ phần	50
6. Bước giá.....	50
7. Phương pháp/cơ sở tính giá khởi điểm.....	50
8. Phương thức chuyển nhượng vốn	50
9. Tổ chức thực hiện đấu giá	50
10. Thời gian thực hiện chuyển nhượng vốn.....	51
11. Lập và nộp hồ sơ đăng ký tham gia đấu giá theo cả lô	51
12. Giới hạn về tỷ lệ nắm giữ đối với người nước ngoài	51
13. Các hạn chế liên quan đến việc chuyển nhượng vốn	52
14. Các loại thuế có liên quan	52
15. Các thông tin khác	52
VII. MỤC ĐÍCH CHUYỂN NHƯỢNG VỐN.....	52
VIII. CÁC TỔ CHỨC CÓ LIÊN QUAN ĐẾN CHUYỂN NHƯỢNG VỐN	53
IX. BÁO CÁO CỦA CHỦ SỞ HỮU VỐN CHUYỂN NHƯỢNG VỀ NỘI DUNG THÔNG TIN TRONG BẢN CÔNG BỐ THÔNG TIN CÓ LIÊN QUAN ĐẾN CHỦ SỞ HỮU VỐN CHUYỂN NHƯỢNG	54



DANH MỤC BẢNG BIỂU

Bảng 1: Cơ cấu cổ đông của Công ty.....	18
Bảng 2: Danh sách cổ đông nắm giữ từ 5% trở lên vốn điều lệ của Công ty.....	18
Bảng 3: Cơ cấu Doanh thu thuần giai đoạn 01/01/2019 – 31/12/2021 – Hợp nhất.....	22
Bảng 4: Cơ cấu Doanh thu thuần giai đoạn 01/01/2019 – 31/12/2021 – Công ty mẹ.....	23
Bảng 5: Cơ cấu chi phí sản xuất kinh doanh của Công ty – Hợp nhất.....	24
Bảng 6: Cơ cấu chi phí sản xuất kinh doanh của Công ty – Công ty mẹ.....	25
Bảng 7: Một số chỉ tiêu về hoạt động sản xuất kinh doanh – Hợp nhất.....	26
Bảng 8: Một số chỉ tiêu về hoạt động sản xuất kinh doanh – Công ty mẹ.....	27
Bảng 9: Cơ cấu lao động của Công ty.....	29
Bảng 10: Tình hình chi trả cổ tức.....	30
Bảng 11: Thời gian khấu hao Tài sản cố định.....	30
Bảng 12: Thuế và Các khoản nộp Nhà nước của Công ty – Hợp nhất.....	31
Bảng 13: Thuế và Các khoản nộp Nhà nước của Công ty – Công ty mẹ.....	31
Bảng 14: Số dư các quỹ của Công ty – Hợp nhất.....	32
Bảng 15: Số dư các quỹ của Công ty – Công ty mẹ.....	32
Bảng 16: Các khoản đầu tư tài chính của Công ty – Hợp nhất.....	32
Bảng 17: Các khoản đầu tư tài chính của Công ty – Công ty mẹ.....	33
Bảng 18: Các khoản phải thu của Công ty – Hợp nhất.....	34
Bảng 19: Các khoản phải thu của Công ty – Công ty mẹ.....	35
Bảng 20: Các khoản phải trả của Công ty – Hợp nhất.....	35
Bảng 21: Các khoản phải trả của Công ty – Công ty mẹ.....	36
Bảng 22: Các chỉ tiêu tài chính chủ yếu của Công ty – Hợp nhất.....	37
Bảng 23: Các chỉ tiêu tài chính chủ yếu của Công ty – Công ty mẹ.....	38
Bảng 24: Danh sách thành viên HĐQT, Ban Tổng Giám đốc, BKS và Kế toán trưởng.....	39
Bảng 25: Danh mục tài sản của Công ty đến ngày 31/12/2021 - Hợp nhất.....	40
Bảng 26: Danh mục tài sản của Công ty đến ngày 31/12/2021 - Công ty mẹ.....	41
Bảng 27: Kế hoạch sản xuất kinh doanh của Công ty năm 2022.....	47

OC
CỔ
CỔ
DU
LÀN
AT



CÁC CĂN CỨ PHÁP LÝ

- Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14 ngày 17 tháng 06 năm 2020 và các văn bản hướng dẫn thi hành;
- Luật Chứng khoán số 54/2019/QH14 ngày 26 tháng 11 năm 2019 và các văn bản hướng dẫn thi hành;
- Luật Quản lý, sử dụng vốn Nhà nước đầu tư vào sản xuất, kinh doanh tại doanh nghiệp số 69/2014/QH13 ngày 26/11/2014;
- Nghị định số 151/2013/NĐ-CP ngày 01/11/2013 của Chính phủ về chức năng, nhiệm vụ và cơ chế hoạt động của Tổng công ty Đầu tư và kinh doanh vốn nhà nước và Nghị định số 147/2017/NĐ-CP ngày 25/12/2017 của Chính phủ về việc sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 151/2013/NĐ-CP ngày 01/11/2013 của Chính phủ;
- Nghị định số 148/2017/NĐ-CP ngày 25/12/2017 của Chính phủ về Điều lệ tổ chức và hoạt động SCIC;
- Nghị định số 91/2015/NĐ-CP ngày 13/10/2015 của Chính phủ về đầu tư vốn nhà nước vào doanh nghiệp và quản lý, sử dụng vốn, tài sản tại doanh nghiệp;
- Nghị định số 32/2018/NĐ-CP ngày 08/03/2018 của Chính phủ về sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 91/2015/NĐ-CP ngày 13 tháng 10 năm 2015 của Chính phủ về đầu tư vốn nhà nước vào doanh nghiệp và quản lý, sử dụng vốn, tài sản tại doanh nghiệp và Nghị định số 140/2020/NĐ-CP ngày 30/11/2020 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 126/2017/NĐ-CP ngày 16 tháng 11 năm 2017 của Chính phủ về chuyển doanh nghiệp nhà nước và công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên do doanh nghiệp nhà nước đầu tư 100,00% vốn điều lệ thành công ty cổ phần; Nghị định số 91/2015/NĐ-CP ngày 13 tháng 10 năm 2015 của Chính phủ về đầu tư vốn nhà nước vào doanh nghiệp và quản lý, sử dụng vốn, tài sản tại doanh nghiệp và Nghị định số 32/2018/NĐ-CP ngày 08 tháng 03 năm 2018 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 91/2015/NĐ-CP;
- Thông tư số 36/2021/TT-BTC ngày 26 tháng 05 năm 2021 của Bộ Tài chính hướng dẫn một số nội dung về đầu tư vốn nhà nước vào doanh nghiệp và quản lý, sử dụng vốn, tài sản tại doanh nghiệp quy định tại nghị định số 91/2015/NĐ-CP ngày 13 tháng 10 năm 2015; Nghị định số 32/2018/NĐ-CP ngày 08 tháng 03 năm 2018; Nghị định số 121/2020/NĐ-CP ngày 09 tháng 10 năm 2020 và Nghị định số 140/2020/NĐ-CP ngày 30 tháng 11 năm 2020 của Chính phủ;
- Hợp đồng Dịch vụ Tư vấn và Tổ chức bán cổ phần tại Công ty CP Du lịch Lâm Đồng số 02/SCIC-VIETINBANK SECURITIES ký ngày 01/08/2022 giữa Tổng Công ty Đầu tư và Kinh doanh Vốn nhà nước và Công ty CP Chứng khoán Ngân hàng Công thương Việt Nam – Chi nhánh Đà Nẵng;
- Chứng thư thẩm định giá số 101701/2022/CTTĐG-CIMEICO ngày 17/10/2022 của Công ty Công ty TNHH Định giá Cimeico;



- Quyết định số 340/QĐ-ĐTKDV ngày 26/10/2022 của Tổng công ty Đầu tư và kinh doanh vốn Nhà nước về việc bán cổ phần của Tổng công ty Đầu tư và kinh doanh vốn Nhà nước tại Công ty Cổ phần Du lịch Lâm Đồng;
- Và các văn bản pháp luật khác có liên quan.

71P
G TY
HAI
LICH
DONG
T. LAN



I. CÁC NHÂN TỐ RỦI RO

Nhằm mục đích đảm bảo tính minh bạch, công khai, bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của các Nhà đầu tư, chúng tôi khuyến cáo các nhà đầu tư tham khảo trước phần này để có những đánh giá và quyết định phù hợp trong việc tham gia đầu tư của mình đối với cổ phiếu của CTCP Du lịch Lâm Đồng.

1. Rủi ro về kinh tế

❖ Tốc độ tăng trưởng kinh tế

Tốc độ tăng trưởng kinh tế được coi là yếu tố vĩ mô quan trọng nhất ảnh hưởng đến tăng trưởng của hầu hết các ngành, các lĩnh vực trong nền kinh tế. Tăng trưởng kinh tế sẽ làm tăng nhu cầu chi tiêu trong xã hội, thúc đẩy gia tăng sản lượng công nghiệp, tăng đầu tư của cá nhân và pháp nhân trong nền kinh tế, đây là yếu tố sẽ tác động trực tiếp đến tình hình sản xuất kinh doanh của Công ty.

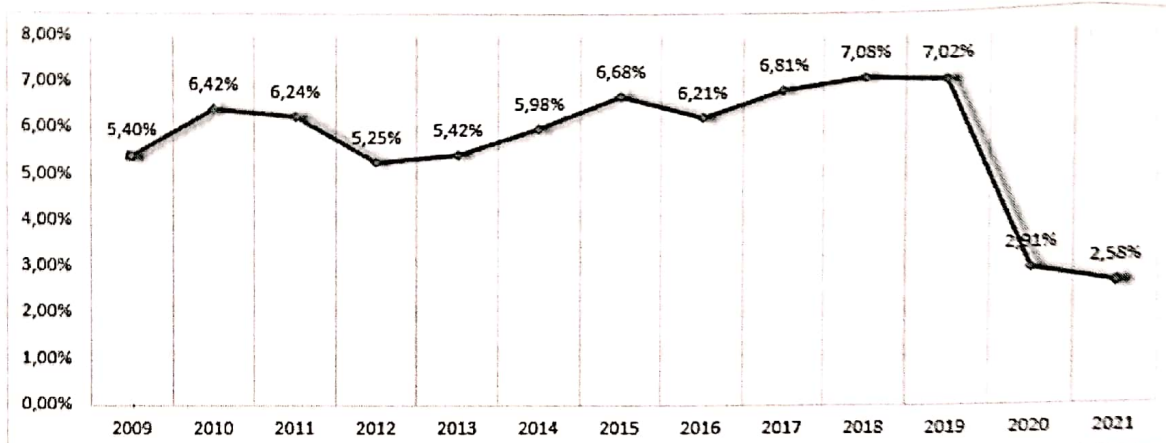
Trong giai đoạn 2009-2019, nền kinh tế thế giới đã có sự tăng trưởng vượt bậc. Việt Nam vì thế cũng nhận được những tác động tích cực từ sự tăng trưởng chung của nền kinh tế toàn cầu. Tuy nhiên trong hai năm 2020 và 2021, đại dịch COVID-19 diễn biến phức tạp trên toàn cầu với những biến thể mới liên tục xuất hiện, gây ra nhiều thiệt hại và làm ảnh hưởng nặng nề đến nền kinh tế thế giới. Việt Nam là một trong những quốc gia chịu ảnh hưởng nghiêm trọng của dịch bệnh, tăng trưởng kinh tế năm 2021 chỉ ở mức 2,58%, thấp nhất trong vòng 30 năm qua.

Với những nỗ lực từ chính phủ Việt Nam trong việc kiểm soát dịch bệnh và phục hồi kinh tế, GDP của quý I/2022 tăng 5,03% so với cùng kỳ năm trước. Ngoài ra, GDP quý II/2022 tăng trưởng 7,72%, cao nhất trong hơn 1 thập kỷ. GDP 6 tháng cũng tăng 6,42%, đồng thời tốc độ tăng trưởng của quý III/2022 nhiều khả năng cũng sẽ tăng cao. Nếu quý IV/2022 không có những biến động lớn thì dự báo kết quả tăng trưởng cả năm có thể vượt mục tiêu tăng trưởng đề ra từ 6,00-6,50%. Kết quả này là minh chứng cho bức tranh kinh tế khởi sắc rõ nét và nhiều lĩnh vực đang trên đà phục hồi mạnh mẽ đặc biệt là khu vực dịch vụ.

Theo Trung tâm Nghiên cứu Kinh tế và Kinh doanh tại Anh (CEBR), dự báo kinh tế Việt Nam sẽ tăng trưởng trung bình 7,00% trong giai đoạn 2021 – 2025 và sẽ vươn lên vị trí thứ 19 thế giới vào năm 2035.



Biểu đồ 1. Tỷ lệ tăng trưởng GDP hàng năm của Việt Nam



Nguồn: Tổng cục Thống kê

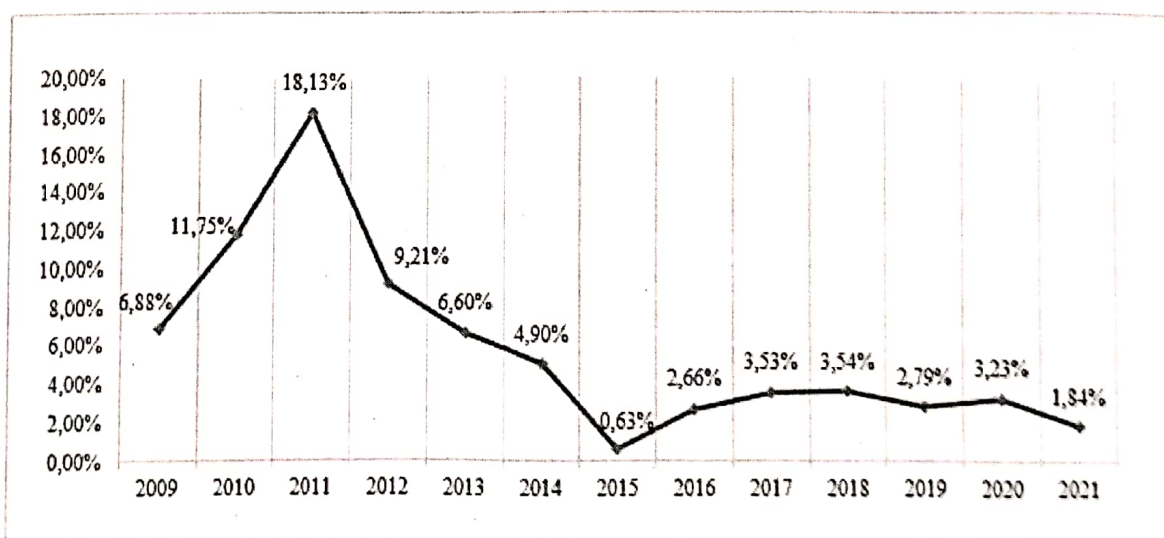
Việc áp dụng và điều hành nền kinh tế một cách ổn định và hiệu quả của Chính phủ sẽ giúp giảm thiểu các rủi ro kinh tế cho các doanh nghiệp nói chung và cho Công ty Cổ phần Du lịch Lâm Đồng nói riêng.

❖ Lạm phát

Các rủi ro trong tài chính doanh nghiệp thường gắn liền với biến động của lạm phát trong nền kinh tế.

Lạm phát biến động sẽ ảnh hưởng trực tiếp và gián tiếp đến các chủ thể trong nền kinh tế nói chung và đến hoạt động sản xuất của các doanh nghiệp nói riêng. Rủi ro lạm phát tăng sẽ dẫn đến tăng chi phí sản xuất kinh doanh trong khi giá hàng hóa lại bị ảnh hưởng bởi nhu cầu thị trường. Bên cạnh đó, rủi ro lạm phát còn ảnh hưởng đến mức lãi suất chiết khấu sử dụng vốn, làm giảm giá trị dòng tiền hiện tại. Ngược lại, giảm phát cũng tiềm ẩn rủi ro đối với doanh nghiệp trong nền kinh tế, đi kèm với sự suy giảm nhu cầu thị trường và đình trệ chi tiêu của toàn bộ nền kinh tế.

Biểu đồ 2. Tỷ lệ lạm phát Việt Nam qua các năm



Nguồn: Tổng cục Thống kê



Trong 6 tháng đầu năm 2022, thị trường hàng hóa thế giới tiếp tục có nhiều biến động và chịu ảnh hưởng của các nhân tố kinh tế, chính trị. Kinh tế thế giới phục hồi, nhu cầu nguyên, nhiên vật liệu phục vụ sản xuất tăng cao trong khi nguồn cung bị đứt gãy khiến giá cả hàng hóa trên thị trường quốc tế có xu hướng tăng mạnh. Bên cạnh đó, cuộc chiến giữa Nga-Ukraina càng đẩy giá nguyên liệu, nhiên liệu tăng cao và thế giới có nguy cơ phải đối diện với một cuộc khủng hoảng lương thực toàn cầu. Lạm phát tại nhiều nước đạt mức kỷ lục trong tháng 05/2022.

Tuy nhiên tại Việt Nam, nhìn chung, mặt bằng giá cơ bản được kiểm soát tốt. Chỉ số giá tiêu dùng bình quân (CPI) 6 tháng đầu năm 2022 tăng 2,44% so với cùng kỳ năm trước (mức thấp so với thế giới). Để chủ động ứng phó với những thách thức trước áp lực lạm phát gia tăng, trong thời gian qua Chính phủ đã chỉ đạo quyết liệt các bộ, ngành, địa phương thực hiện đồng bộ các giải pháp bình ổn giá, giúp ổn định hoạt động sản xuất kinh doanh của doanh nghiệp. Ngoài ra, công ty đã triển khai các chính sách, công cụ phù hợp nhằm kiểm soát chi phí các yếu tố đầu vào, nâng cao hoạt động sản xuất kinh doanh.

❖ **Lãi suất**

Sự biến động của lãi suất sẽ tác động trực tiếp đến chi phí lãi vay hàng năm của các doanh nghiệp. Trong những năm trở lại đây, Ngân hàng Nhà nước Việt Nam tiếp tục điều hành chính sách lãi suất theo hướng giảm dần, phù hợp với diễn biến kinh tế vĩ mô, tiền tệ và đặc biệt là lạm phát để giảm mặt bằng lãi suất cho vay, góp phần tháo gỡ khó khăn cho nền kinh tế nói chung và các doanh nghiệp nói riêng.

Tuy nhiên hiện nay, trong bối cảnh giá các loại hàng hóa vẫn đang ở mức cao, do đó mục tiêu kiểm soát lạm phát đang là ưu tiên của thế giới nói chung và Việt Nam nói riêng. Ngân hàng Nhà nước nhiều khả năng sẽ có động thái thắt chặt chính sách tiền tệ và điều chỉnh tăng lãi suất sớm. Theo số liệu của Ngân hàng Nhà nước, trong nửa đầu năm 2022, tăng trưởng tín dụng đạt tới 9,35%, sự tăng trưởng mạnh mẽ trong nửa đầu năm được giải thích bởi một loạt các yếu tố như nhu cầu phục hồi và việc phản ánh mức độ tăng của giá hàng hóa. Trong khi huy động vốn chỉ tăng khoảng 4,51% do đó nhiều ngân hàng thương mại đã điều chỉnh tăng lãi suất huy động tại nhiều kỳ hạn và tăng nhanh hơn dự kiến. Lãi suất cho vay cũng bắt đầu tăng vào cuối quý II/2022.

Để hạn chế rủi ro tối đa, Công ty đã thực hiện phân tích tình hình thị trường để có được các lãi suất có lợi nhất và nằm trong giới hạn quản lý rủi ro cho Công ty.

❖ **Tỷ giá hối đoái**

Công ty ít chịu rủi ro về tỷ giá ngoại tệ do doanh thu và chi phí của Công ty chủ yếu phát sinh từ các đối tác trong nước.

2. Rủi ro pháp luật

Công ty Cổ phần Du lịch Lâm Đồng hoạt động theo mô hình công ty cổ phần, mọi hoạt động của công ty được điều chỉnh bởi hệ thống văn bản pháp luật bao gồm: Luật doanh nghiệp và các văn bản pháp luật hướng dẫn liên quan. Đồng thời, Công ty



cũng chịu ảnh hưởng rất lớn từ các chính sách Nhà nước như định hướng phát triển, những ưu đãi, khuyến khích, hay hạn chế, các chính sách thuế, ... về những ngành nghề hoạt động kinh doanh chính của Công ty.

Với xu hướng phát triển của nền kinh tế, Chính phủ đang từng bước hoàn chỉnh hệ thống pháp luật theo hướng đơn giản, minh bạch, ổn định theo thông lệ quốc tế. Tuy nhiên, hệ thống luật pháp của Việt Nam hiện nay đang trong quá trình sửa đổi và hoàn thiện, việc vận dụng không phù hợp và kịp thời sẽ tạo ra những rủi ro về mặt pháp lý cho hoạt động kinh doanh của Công ty. Để hạn chế rủi ro này, Công ty luôn chú trọng nghiên cứu, nắm bắt các quy định của Nhà nước để từ đó xây dựng chiến lược, kế hoạch phát triển sản xuất kinh doanh phù hợp.

3. Rủi ro đặc thù của công ty

Bên cạnh những yếu tố về tăng trưởng kinh tế, thu nhập bình quân đầu người, ... chính trị là một yếu tố vô cùng quan trọng ảnh hưởng trực tiếp đến ngành du lịch của thế giới nói chung và của Việt Nam nói riêng. Sự bất ổn chính trị trong nội bộ các quốc gia và trong toàn khu vực không chỉ kìm hãm sự phát triển của nền kinh tế, làm sụt giảm thu nhập của người dân mà còn kéo theo tình hình mất an ninh trong khu vực. Những yếu tố đó là nguyên nhân chính có thể dẫn đến doanh thu của ngành du lịch bị sụt giảm mạnh, ảnh hưởng đáng kể đến lượng khách tới Việt Nam, ngành du lịch của Việt Nam nói chung và cũng như của Công ty nói riêng.

4. Rủi ro từ đợt chào bán

Việc chào bán cổ phiếu của Tổng công ty đầu tư và Kinh doanh vốn Nhà nước tại Công ty Cổ phần Du lịch Lâm Đồng thành công hay không phụ thuộc vào nhiều yếu tố như: diễn biến tình hình thị trường chứng khoán, nhu cầu cổ phiếu ngành du lịch, cung cầu cổ phiếu toàn thị trường cũng như tâm lý, sự kỳ vọng của nhà đầu tư vào cổ phiếu Công ty Cổ phần Du lịch Lâm Đồng tại thời điểm chào bán.

Đợt chào bán có rủi ro là không bán hết số cổ phần dự định chào bán, tuy nhiên đây là đợt chào bán nhằm chuyển quyền sở hữu cổ phần tại Doanh nghiệp, không phải thuộc đợt chào bán huy động vốn, do đó trong trường hợp không bán hết thì cũng không ảnh hưởng đến hoạt động của Doanh nghiệp.

5. Rủi ro khác

Bên cạnh những yếu tố rủi ro đã nêu trên, còn có các yếu tố rủi ro xảy ra do hiện tượng thiên nhiên khách quan, mang tính bất khả kháng như thiên tai (bão, lụt, hạn hán, dịch bệnh, động đất...), chiến tranh hoặc hòa hoãn... Những rủi ro này nếu xảy ra sẽ gây ra không ít khó khăn và ảnh hưởng lớn đến hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty Cổ phần Du lịch Lâm Đồng.



II. NHỮNG NGƯỜI CHỊU TRÁCH NHIỆM CHÍNH ĐỐI VỚI NỘI DUNG BẢN CÔNG BỐ THÔNG TIN

1. Tổ chức là chủ sở hữu vốn chuyển nhượng

Tổng công ty Đầu tư và Kinh doanh vốn Nhà Nước (SCIC)

Ông: **Lê Thanh Tuấn**

Chức vụ: Phó Tổng Giám đốc

Chúng tôi đảm bảo rằng các thông tin và số liệu trong Bản Công bố thông tin này là chính xác, trung thực và cam kết chịu trách nhiệm về tính trung thực, chính xác của những thông tin và số liệu này.

2. Tổ chức có vốn của doanh nghiệp Nhà nước chuyển nhượng

Công ty Cổ phần Du lịch Lâm Đồng

Bà **Nguyễn Thị Kim Giang**

Chức vụ: Tổng Giám đốc

Chúng tôi đảm bảo rằng các thông tin và số liệu trong Bản công bố thông tin này là chính xác, trung thực và cam kết chịu trách nhiệm về tính trung thực, chính xác của những thông tin và số liệu này.

3. Tổ chức tư vấn

Công ty Cổ phần Chứng khoán Ngân hàng Công thương Việt Nam – Chi nhánh Đà Nẵng (VietinBank Securities)

Bà **Lê Diệu Thúy**

Chức vụ: Giám đốc Chi nhánh

Bản công bố thông tin này là một phần của hồ sơ bán cổ phần của Tổng công ty Đầu tư và kinh doanh vốn Nhà nước tại Công ty Cổ phần Du lịch Lâm Đồng do Công ty Cổ phần Chứng khoán Ngân hàng Công thương Việt Nam – Chi nhánh Đà Nẵng tham gia lập và công bố trên cơ sở Hợp đồng Dịch vụ Tư vấn và Tổ chức bán cổ phần tại Công ty CP Du lịch Lâm Đồng số 02/SCIC-VIETINBANK SECURITIES ký ngày 01/08/2022 với Tổng Công ty Đầu tư và Kinh doanh vốn Nhà nước. Bản Công bố thông tin này có những lưu ý, điều kiện và hạn chế sau:

– Việc phân tích, đánh giá và lựa chọn ngôn từ trong Bản công bố thông tin này dựa vào các thông tin và số liệu trên BCTC và các số liệu liên quan khác được công bố theo quy định về công bố thông tin trên thị trường chứng khoán; cũng như được tham khảo từ các nguồn khác mà chúng tôi coi là đáng tin cậy. SCIC và VietinBank Securities không chịu trách nhiệm về tính chính xác của các dữ liệu.

– Bản Công bố thông tin này chỉ xem xét những thông tin và điều kiện tồn tại tính đến ngày 31/12/2021 đã được công bố công khai. Các sự kiện xảy ra sau ngày này chưa được xem xét và SCIC, tổ chức tư vấn không có nghĩa vụ phải cập nhật lại Bản Công bố thông tin đối với các sự kiện này;



– Chúng tôi giả định rằng Công ty CP Du lịch Lâm Đồng tuân thủ đầy đủ các quy định của pháp luật và các quy định nội bộ về hoạt động và kinh doanh;

– VietinBank Securities, nhân viên của VietinBank Securities (bao gồm cả nhân viên thực hiện Bản Công bố thông tin này) có thể đang sở hữu, mua bán, thực hiện các dịch vụ môi giới, tư vấn đầu tư, hoặc các dịch vụ khác trong phạm vi pháp luật cho phép liên quan đến cổ phần của Công ty CP Du lịch Lâm Đồng cho SCIC, chính Công ty CP Du lịch Lâm Đồng và các khách hàng khác của VietinBank Securities và các công ty con, công ty liên kết. Nhà đầu tư cần xem xét, đánh giá khả năng mâu thuẫn lợi ích khi sử dụng Bản Công bố thông tin này.

Bản Công bố thông tin này chỉ có giá trị để tham khảo, nhà đầu tư tham gia mua cổ phần có trách nhiệm tìm hiểu, đánh giá các thông tin về doanh nghiệp và chịu trách nhiệm về quyết định đầu tư của mình, VietinBank Securities và SCIC không có trách nhiệm nếu thông tin và tài liệu do Công ty CP Du lịch Lâm Đồng cung cấp không trung thực với thực tế hoạt động của Công ty CP Du lịch Lâm Đồng.



III. CÁC KHÁI NIỆM

Một số từ hoặc nhóm từ sử dụng trong Bản Công bố thông tin được hiểu như sau:

BCTC	: Báo cáo tài chính
BKS	: Ban Kiểm soát
CP	: Cổ phần
CTCP	: Công ty cổ phần
ĐHĐCĐ	: Đại hội đồng cổ đông
DT	: Doanh thu
DTT	: Doanh thu thuần
EPS	: Earning Per Share (thu nhập trên một cổ phiếu)
GDCK	: Giao dịch chứng khoán
GTGT	: Giá trị gia tăng
HD SXKD	: Hoạt động Sản xuất kinh doanh
HĐQT	: Hội đồng Quản Trị
QĐ	: Quyết định
SX	: Sản xuất
TNHH	: Trách nhiệm hữu hạn
Tổ chức có vốn của doanh nghiệp Nhà nước chuyên nhượng/Công ty/Du lịch Lâm Đồng	: Công ty Cổ phần Du lịch Lâm Đồng
Tổ chức là chủ sở hữu vốn chuyên nhượng/SCIC	: Tổng công ty Đầu tư và Kinh doanh vốn Nhà nước
Tổ chức thực hiện đấu giá	: Công ty Cổ phần Chứng khoán Ngân hàng Công thương Việt Nam – Chi nhánh Đà Nẵng
Tổ chức tư vấn/ VietinBank Securities	: Công ty Cổ phần Chứng khoán Ngân hàng Công thương Việt Nam – Chi nhánh Đà Nẵng
TSCĐ	: Tài sản cố định
UBND	: Ủy ban nhân dân
VĐL	: Vốn điều lệ



IV. GIỚI THIỆU VỀ TỔ CHỨC LÀ CHỦ SỞ HỮU VỐN CHUYÊN NHƯỢNG

1. Tóm tắt thông tin về Tổng Công ty Đầu tư và Kinh doanh Vốn Nhà nước (SCIC)

1.1. Thông tin chung

Tên đầy đủ	:	TỔNG CÔNG TY ĐẦU TƯ VÀ KINH DOANH VỐN NHÀ NƯỚC
Tên Tiếng Anh	:	STATE CAPITAL INVESTMENT CORPORATION
Tên viết tắt	:	SCIC
Loại hình doanh nghiệp	:	Công ty TNHH một thành viên do Nhà nước làm chủ sở hữu
Người đại diện theo pháp luật	:	Ông Nguyễn Quốc Huy – Chức vụ: Tổng Giám đốc
Trụ sở chính	:	Số 117 Trần Duy Hưng, phường Trung Hòa, quận Cầu Giấy, thành phố Hà Nội
Điện thoại	:	(84-24) 3824 0703 Fax: (84-24) 6278 0136
Website	:	www.scic.vn
Logo	:	 SCIC

Vốn điều lệ : 19.000.000.000.000 VNĐ (Mười chín nghìn tỷ đồng)

Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 0101992921 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hà Nội cấp lần đầu ngày 09/07/2010 và đăng ký thay đổi lần thứ 07 ngày 11/03/2022.

1.2. Tóm tắt quá trình hình thành và phát triển

Tổng công ty Đầu tư và kinh doanh vốn nhà nước (SCIC) được thành lập theo Quyết định số 151/2005/QĐ-TTg ngày 20/06/2005 của Thủ tướng Chính phủ.

Với chức năng quản lý, đầu tư và kinh doanh vốn nhà nước, sự ra đời của SCIC nằm trong tiến trình cải cách kinh tế nói chung và cải cách doanh nghiệp nhà nước nói riêng nhằm nâng cao hiệu quả sử dụng vốn nhà nước. SCIC là đại diện chủ sở hữu vốn nhà nước tại các doanh nghiệp, thực hiện đầu tư vào các ngành, lĩnh vực quan trọng của nền kinh tế nhằm tăng cường vai trò chủ đạo của kinh tế nhà nước trên cơ sở tôn trọng những nguyên tắc thị trường.

Chính thức đi vào hoạt động từ tháng 08 năm 2006, SCIC quản lý danh mục đầu tư gồm các doanh nghiệp hoạt động trong nhiều lĩnh vực khác nhau của nền kinh tế như: dịch vụ tài chính, năng lượng, công nghiệp, viễn thông, xây dựng, vận tải, hàng tiêu dùng, y tế, công nghệ thông tin ...



SCIC được Thủ tướng Chính phủ quyết định chuyển sang mô hình Công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên do Nhà nước làm chủ sở hữu theo quyết định số 992/QĐ-TTg ngày 10/06/2010.

Ngày 01 tháng 11 năm 2013, Chính phủ đã ban hành Nghị định số 151/2013/NĐ-CP về chức năng, nhiệm vụ và cơ chế hoạt động của SCIC.

Ngày 25 tháng 12 năm 2017, Chính phủ ban hành Nghị định số 147/2017/NĐ-CP về sửa đổi bổ sung một số điều của Nghị định 151/2013/NĐ-CP và Nghị định số 148/2017/NĐ-CP về Điều lệ tổ chức và hoạt động của Tổng công ty Đầu tư và Kinh doanh vốn nhà nước.

Ngày 29 tháng 09 năm 2018, Chính phủ ban hành Nghị định số 131/2018/NĐ-CP đại diện chủ sở hữu vốn Nhà nước tại Tổng Công ty được chuyển giao từ Bộ tài chính sang Ủy ban Quản lý vốn nhà nước tại doanh nghiệp.

1.3. Lĩnh vực hoạt động

- Đại diện chủ sở hữu vốn nhà nước tại doanh nghiệp
 - + Tiếp nhận và thực hiện quyền đại diện chủ sở hữu vốn nhà nước tại doanh nghiệp;
 - + Đầu tư (bổ sung) hoặc thoái đầu tư tại các doanh nghiệp có vốn đầu tư của SCIC;
 - + Cơ cấu lại doanh nghiệp có vốn đầu tư của SCIC.
- Đầu tư trực tiếp và đầu tư gián tiếp
 - + Đầu tư vào những ngành, lĩnh vực quan trọng cần có sự tham gia của Nhà nước;
 - + Đầu tư (bổ sung) hoặc thoái đầu tư tại các doanh nghiệp có vốn đầu tư của SCIC;
 - + Cơ cấu lại doanh nghiệp có vốn đầu tư của SCIC;
 - + Đầu tư trên thị trường vốn, thị trường chứng khoán thông qua mua bán cổ phiếu, trái phiếu và các công cụ tài chính khác.
- Dịch vụ tư vấn tài chính
 - + Tư vấn tái cơ cấu doanh nghiệp;
 - + Tư vấn cổ phần hóa;
 - + Tư vấn đầu tư;
 - + Bảo lãnh phát hành cổ phiếu, trái phiếu.
- Huy động vốn
 - + Vay vốn;
 - + Phát hành trái phiếu trên thị trường trong và ngoài nước;
 - + Nhận ủy thác các nguồn vốn đầu tư.
- Hợp tác quốc tế trong lĩnh vực đầu tư kinh doanh vốn
 - + Tổ chức, tham gia các diễn đàn đầu tư trong nước và quốc tế;
 - + Đàm phán, ký kết, tiếp nhận các khoản vay, viện trợ của nước ngoài.
- Các dịch vụ hỗ trợ khác
 - + Tổ chức chương trình đào tạo cho doanh nghiệp có vốn góp của SCIC;
 - + Tổ chức hội thảo, cung cấp thông tin kinh tế, cơ hội đầu tư cho doanh nghiệp trong và ngoài nước.

2. Mối quan hệ với công ty cổ phần có vốn đầu tư cần chuyển nhượng



SCIC là cổ đông Nhà nước và là cổ đông nắm giữ 11,71% số lượng cổ phần đang lưu hành của Công ty Cổ phần Du lịch Lâm Đồng.

3. Số cổ phần sở hữu

SCIC hiện đang sở hữu là 4.638.124 cổ phần (chiếm tỷ lệ 11,71% tổng số cổ phần đã phát hành theo vốn thực góp trong vốn điều lệ) của Công ty Cổ phần Du lịch Lâm Đồng.

V. TÌNH HÌNH VÀ ĐẶC ĐIỂM CỦA CÔNG TY CỔ VỐN CỦA DOANH NGHIỆP NHÀ NƯỚC CHUYÊN NHƯỢNG

1. Tóm tắt quá trình hình thành và phát triển

1.1. Giới thiệu chung về Công ty

- Tên công ty : **CÔNG TY CỔ PHẦN DU LỊCH LÂM ĐỒNG**
- Tên tiếng Anh : **LAM DONG TOURIST JOINT STOCK COMPANY**
- Tên viết tắt : **DALATTOURIST**
- Trụ sở chính : Số 01 Lê Đại Hành, phường 1, thành phố Đà Lạt, tỉnh Lâm Đồng
- Số điện thoại : 02633 823829 Fax: 02633 810363
- Vốn điều lệ : 396.000.000.000 đồng (*Ba trăm chín mươi sáu tỷ đồng*)
- Người đại diện theo pháp luật: Bà **Nguyễn Thị Kim Giang** – Chức vụ: Tổng Giám đốc
- Giấy Chứng nhận Đăng ký doanh nghiệp số 5800271921 do Sở Kế hoạch Đầu tư tỉnh Lâm Đồng cấp thay đổi lần thứ 13 ngày 04/01/2022. (Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh lần đầu số 112982 do Sở Kế hoạch & Đầu tư Tỉnh Lâm Đồng cấp ngày 16/06/2000).
- Ngành nghề kinh doanh chính:
 - + Hoạt động của các công viên vui chơi và công viên theo chủ đề; chi tiết: Hoạt động dịch vụ các khu danh lam, thắng cảnh, khu vui chơi, giải trí;
 - + Dịch vụ lưu trú ngắn ngày;
 - + Nhà hàng và các dịch vụ ăn uống phục vụ lưu động;
 - + Đại lý du lịch;
 - + Điều hành tour du lịch; chi tiết: Kinh doanh lữ hành nội địa, lữ hành quốc tế;
 - + Vận tải hành khách đường bộ khác; chi tiết: Kinh doanh vận tải hành khách theo tuyến cố định, theo hợp đồng;
 - + Hoạt động dịch vụ hỗ trợ khác liên quan đến vận tải; chi tiết: Hoạt động của các đại lý bán vé máy bay, tàu lửa, ô tô.

1.2. Quá trình hình thành và phát triển

Công Ty Cổ phần Du lịch Lâm Đồng được thành lập từ những năm 1976. Sau đó, để phát huy sức mạnh tập thể, Công ty được sáp nhập vào Công ty Du lịch Dịch vụ Xuân Hương tỉnh Lâm Đồng (Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh lần đầu số 112982 do Sở Kế hoạch & Đầu tư tỉnh Lâm Đồng cấp ngày 16/06/2000).



Tháng 07/2004, Thực hiện sáp nhập Công ty Du lịch Dịch vụ Xuân Hương tỉnh Lâm Đồng và tái thành lập Công ty Du lịch Lâm Đồng.

Công ty được chuyển đổi sang hình thức Công ty Cổ phần theo Quyết định số 1703/QĐ-UBND ngày 29/08/2013 của UBND tỉnh Lâm Đồng, và chính thức đi vào hoạt động theo mô hình Công ty cổ phần kể từ ngày 12/12/2013.

Tóm lược lịch sử hình thành và phát triển của Công ty như sau:

Năm 1976	:	Thành lập Công ty Du lịch Lâm Đồng
Năm 2000	:	Công ty được sáp nhập vào Công ty Du lịch Dịch vụ Xuân Hương tỉnh Lâm Đồng
Tháng 07/2004	:	Sáp nhập Công ty Du lịch Dịch vụ Xuân Hương và tái thành lập Công ty Du lịch Lâm Đồng
Tháng 12/2013	:	Thực hiện cổ phần hóa và từ đó đến nay, doanh nghiệp liên tục đổi mới và tăng trưởng mạnh, dựa trên các “trụ cột” chính: (i) điều chỉnh định hướng kinh doanh từ đa lĩnh vực trong khuôn khổ du lịch sang ưu tiên đầu tư và kinh doanh du lịch điểm đến; (ii) bổ nhiệm lãnh đạo chủ chốt mới và bổ sung cán bộ chủ chốt; (iii) thu hút vốn và thay đổi thành phần HĐQT theo hướng hoàn thiện hơn
Tháng 03/2016	:	Quỹ đầu tư giá trị Bảo Việt, thành viên của Tập đoàn Bảo Việt, tham gia Hội đồng quản trị
Tháng 05/2019	:	Bầu HĐQT nhiệm kỳ 2, giai đoạn từ 2019 - 2024 theo tiêu chí độ tuổi trẻ hóa hơn, có chuyên môn sâu và gắn kết trách nhiệm thành viên HĐQT với từng lĩnh vực kinh doanh
Tháng 12/2021	:	Sáp nhập công ty TNHH Dalat Safari (là công ty con 100,00% vốn điều lệ) vào Công ty Cổ phần du lịch Lâm Đồng (công ty mẹ). Vốn điều lệ công ty Cổ phần Du lịch Lâm Đồng không thay đổi

Hiện nay, Công ty Cổ phần Du lịch Lâm Đồng hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 5800271921 do Sở Kế hoạch Đầu tư tỉnh Lâm Đồng cấp thay đổi lần thứ 13 ngày 04/01/2022.

- Lịch sử và quá trình tăng vốn kể từ khi cổ phần hóa đến nay:



TT	Thời điểm	Số vốn điều lệ (VND)	Mục đích
1.	12/12/2013	127.387.247.122	Sau khi quyết toán tại thời điểm chính thức chuyển thành công ty cổ phần
2.	23/02/2016	200.000.000.000	Phát hành để đầu tư các dự án, mở rộng công ty
3.	12/10/2017	396.000.000.000	Phát hành để đầu tư các dự án, mở rộng công ty

1.3. Cơ cấu cổ đông của Công ty đến ngày 30/06/2022

Bảng 1: Cơ cấu cổ đông của Công ty

STT	Thành phần	Số lượng cổ đông	Số cổ phần nắm giữ (cổ phần)	Tỷ lệ (%) / VDL thực góp
Cá nhân				
1	Trong nước	17	238.981	0,60%
2	Nước ngoài	0	0	0%
Tổ chức				
1	Trong nước	4	39.361.019	99,40%
2	Nước ngoài	0	0	0%
Cổ phiếu quỹ				
Tổng		21	39.600.000	100%

Nguồn: Công ty CP Du lịch Lâm Đồng

1.4. Danh sách các cổ đông nắm giữ từ 5% trở lên vốn điều lệ của Công ty tính đến ngày 30/06/2022

Bảng 2: Danh sách cổ đông nắm giữ từ 5% trở lên vốn điều lệ của Công ty đến ngày 30/06/2022

STT	Họ và tên	Địa chỉ	Vốn cổ phần nắm giữ (đồng)	Số cổ phần (cổ phần)	Tỷ lệ nắm giữ (%)
1	Tổng Công ty Đầu tư và Kinh doanh vốn Nhà	Số 117 Trần Duy Hưng, phường Trung Hòa, quận	46.381.247.122	4.638.124	11,71%



ST T	Họ và tên	Địa chỉ	Vốn cổ phần nắm giữ (đồng)	Số cổ phần (cổ phần)	Tỷ lệ nắm giữ (%)
	nước (SCIC)	Cầu Giấy, thành phố Hà Nội			
2	Công ty cổ phần Dây điện và Phích cắm Trần Phú	Lô số 4, CN4, cụm công nghiệp Từ Liêm, quận Bắc Từ Liêm, thành phố Hà Nội	68.850.000.000	6.885.000	17,39%
3	Công ty TNHH Thiết bị Điện AC	Lô A1A, Cụm CNN&TTCN, Dịch Vọng Hậu, quận Cầu Giấy, thành phố Hà Nội	68.850.000.000	6.885.000	17,39%
4	Công ty TNHH Đầu tư và Du lịch An Khang	Số 40, Quang Trung, phường 9, thành phố Đà Lạt, tỉnh Lâm Đồng	209.528.950.000	20.952.895	52,91%
	Tổng		393.610.197.122	39.361.019	99,40%

Nguồn: Công ty CP Du lịch Lâm Đồng

1.5. Danh sách những công ty mẹ và công ty con của Công ty, những công ty mà tổ chức phát hành đang nắm giữ quyền kiểm soát hoặc cổ phần chi phối, những công ty nắm quyền kiểm soát hoặc cổ phần chi phối đối với Công ty:

❖ Công ty nắm quyền kiểm soát hoặc cổ phần chi phối đối với Công ty

➤ Công ty TNHH Đầu tư và Du lịch An Khang

Địa chỉ: Số 40 Quang Trung, phường 9, thành phố Đà Lạt, tỉnh Lâm Đồng

Tỷ lệ sở hữu tại Công ty Cổ phần Du lịch Lâm Đồng: 52,91% vốn điều lệ

❖ Công ty con của Công ty và những công ty mà tổ chức phát hành đang nắm giữ quyền kiểm soát hoặc cổ phần chi phối:

STT	Tên công ty	Địa chỉ	Tỷ lệ lợi ích	Tỷ lệ biểu quyết	Hoạt động kinh doanh chính
1	Công ty Cổ phần Du lịch Đồi Robin Đà Lạt	Lâm Đồng	99,00%	99,00%	Dịch vụ du lịch



2	Công ty Cổ phần Khách sạn Nice Dream	Lâm Đồng	99,50%	99,50%	Dịch vụ du lịch
3	Công ty Cổ phần Trang thiết bị kỹ thuật Y tế thành phố Hồ Chí Minh	Thành phố Hồ Chí Minh	96,94%	96,94%	Kinh doanh trang thiết bị, vật tư y tế
4	Công ty Cổ phần Vận chuyển Chuyên gia	Thành phố Hồ Chí Minh	99,50%	99,50%	Dịch vụ vận chuyển
5	Công ty TNHH Giáo dục Phúc Yên	Vĩnh Phúc	100,00%	100,00%	Giáo dục

Nguồn: BCTC hợp nhất kiểm toán năm 2021 của Công ty

Lưu ý:

- Nghị quyết số 10.2021/NQ-HĐQT của Hội đồng quản trị Công ty Cổ phần Du lịch Lâm Đồng ngày 07/11/2021, công ty bán cổ phần của Công ty Cổ phần Sao Đà Lạt do Công ty sở hữu cho các Nhà đầu tư khác. Sau các giao dịch trên, tại ngày 31/12/2021, Công ty không còn nắm giữ cổ phần tại Công ty Cổ phần Sao Đà Lạt.
- Nghị quyết số 02.2021/NQ-ĐHĐCĐ của Đại hội đồng cổ đông Công ty ngày 18/12/2021 thông qua về việc sáp nhập nguyên trạng Công ty TNHH Dalat Safari vào Công ty cổ phần Du lịch Lâm Đồng.

2. Cơ cấu tổ chức của Công ty

Hiện nay Công ty Cổ phần Du lịch Lâm Đồng được tổ chức và hoạt động theo Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14 ngày 17 tháng 06 năm 2020 và các văn bản hướng dẫn thi hành. Cơ sở của hoạt động quản trị và điều hành của Công ty là Điều lệ tổ chức và hoạt động của Công ty.



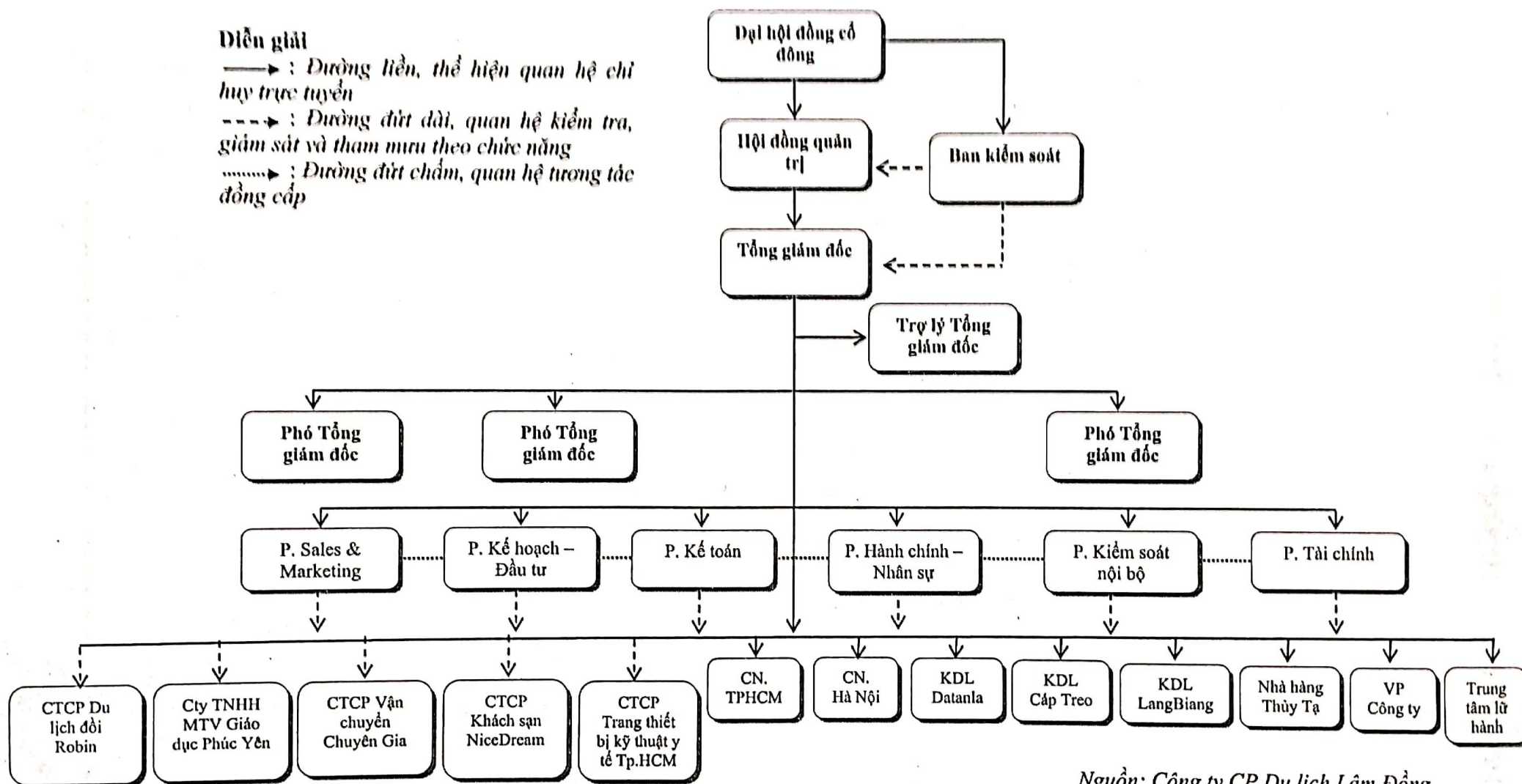
Sơ đồ cơ cấu tổ chức và bộ máy quản lý của Công ty

Diễn giải

—> : Đường liền, thể hiện quan hệ chỉ huy trực tuyến

-----> : Đường đứt dài, quan hệ kiểm tra, giám sát và tham mưu theo chức năng

.....> : Đường đứt chấm, quan hệ tương tác đồng cấp



Nguồn: Công ty CP Du lịch Lâm Đồng



➤ **Đại Hội Đồng Cổ đông**

Đại Hội Đồng Cổ đông là cơ quan có thẩm quyền cao nhất của Công ty, có quyền thảo luận và thông qua những chính sách phát triển dài hạn và ngắn hạn của Công ty, bầu ra Hội đồng Quản trị và Ban Kiểm soát của Công ty và những vấn đề khác theo Luật Doanh nghiệp và Điều lệ của Công ty.

➤ **Hội đồng Quản trị**

Hội đồng Quản trị là cơ quan quản lý Công ty, có toàn quyền nhân danh Công ty để quyết định mọi vấn đề liên quan đến mục đích, quyền lợi và hoạt động của Công ty trừ những vấn đề thuộc thẩm quyền của Đại Hội Đồng Cổ đông mà không được ủy quyền. Hội đồng Quản trị có trách nhiệm xây dựng các kế hoạch kinh doanh, đưa ra các biện pháp, các quyết định nhằm đạt được các mục tiêu do Đại hội đồng Cổ đông đề ra.

➤ **Ban Kiểm soát**

Ban kiểm soát là cơ quan trực thuộc Đại Hội Đồng Cổ đông, do Đại Hội Đồng Cổ đông bầu ra. Ban kiểm soát có nhiệm vụ kiểm tra tính hợp lý và hợp pháp trong điều hành hoạt động kinh doanh, báo cáo tài chính của Công ty.

➤ **Ban Tổng Giám đốc**

Ban Tổng Giám đốc là cơ quan điều hành mọi hoạt động kinh doanh hàng ngày của Công ty. Tổng Giám đốc Công ty là người chịu trách nhiệm cao nhất trước Đại hội Đồng Cổ đông, Hội đồng Quản trị, và pháp luật về toàn bộ việc tổ chức kinh doanh, thực hiện các biện pháp nhằm đạt được các mục tiêu phát triển của Công ty.

➤ **Các phòng ban chức năng**

Các phòng chuyên môn nghiệp vụ thực hiện các công việc chức năng nhằm đảm bảo cho việc quản lý, tổ chức, điều hành hoạt động kinh doanh được hiệu quả và theo đúng quy định của pháp luật.

3. Hoạt động kinh doanh của Công ty qua các năm

3.1 Sản phẩm/dịch vụ chính

Công ty có 2 mảng doanh thu gồm doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ (các sản phẩm du lịch, hoạt động cung ứng dịch vụ hướng dẫn du lịch, ...) và doanh thu từ hoạt động tài chính. Trong đó, doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ chiếm tỷ lệ 70,81% và doanh thu từ hoạt động tài chính chiếm tỷ lệ 29,19% tổng doanh thu năm 2021.

3.2 Cơ cấu doanh thu

Bảng 3: Cơ cấu Doanh thu thuần giai đoạn 01/01/2019 – 31/12/2021 – Hợp nhất

Đơn vị: triệu đồng

TT	Chỉ tiêu	Năm 2019		Năm 2020		Năm 2021	
		Giá trị	Tỷ trọng (%)	Giá trị	Tỷ trọng (%)	Giá trị	Tỷ trọng (%)



1	Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	571.411	100,13%	394.507	100,34%	242.176	100,46%
1.1	Doanh thu bán hàng	153.465	26,89%	141.538	36,00%	123.304	51,15%
1.2	Doanh thu cung cấp dịch vụ	417.946	73,24%	252.968	64,34%	118.873	49,31%
2	Các khoản giảm trừ doanh thu	(759)	(0,13%)	(1.321)	(0,34%)	(1.106)	(0,46%)
2.1	Chiết khấu thương mại	(740)	(0,13%)	(995)	(0,25%)	(217)	(0,09%)
2.2	Hàng bán bị trả lại	(14)	0,00%	(305)	(0,08%)	(69)	(0,03%)
2.3	Giảm giá hàng bán	(4)	0,00%	(20)	(0,01%)	(820)	(0,34%)
Doanh thu thuần		570.652	100,00%	393.186	100,00%	241.071	100,00%

Nguồn: BCTC hợp nhất kiểm toán năm 2020, 2021 của Công ty

Doanh thu thuần theo BCTC hợp nhất của Công ty năm 2021 là 241,07 tỷ đồng, giảm gần 38,69% so với năm 2020. Cụ thể theo kết quả kinh doanh hợp nhất năm 2021, Công ty ghi nhận doanh thu bán hàng là 123,30 tỷ đồng (chiếm tỷ trọng 51,15% trong doanh thu thuần năm 2021) và doanh thu từ hoạt động cung cấp dịch vụ là 118,87 tỷ đồng (chiếm 49,31% trong doanh thu thuần năm 2021). Doanh thu từ hoạt động cung cấp dịch vụ của Công ty năm 2021 đã giảm 53,00% so với năm 2020, chủ yếu từ ảnh hưởng của dịch bệnh Covid-19.

Bảng 4: Cơ cấu Doanh thu thuần giai đoạn 01/01/2019 – 31/12/2021 – Công ty mẹ

Đơn vị: triệu đồng

TT	Chỉ tiêu	Năm 2019		Năm 2020		Năm 2021	
		Giá trị	Tỷ trọng (%)	Giá trị	Tỷ trọng (%)	Giá trị	Tỷ trọng (%)
1	Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	292.789	100,25%	169.650	100,58%	69.915	100,25%



1.1	Doanh thu bán hàng	—	—	—	—	—	—
1.2	Doanh thu cung cấp dịch vụ	292.789	100,25%	169.650	100,58%	69.915	100,25%
2	Các khoản giảm trừ doanh thu	(737)	(0,25%)	(987)	(0,58%)	(196)	(0,25%)
2.1	Chiết khấu thương mại	(737)	(0,25%)	(987)	(0,58%)	(196)	(0,25%)
Doanh thu thuần		292.052	100,00%	168.663	100,00%	69.719	100,00%

Nguồn: BCTC riêng kiểm toán năm 2020, 2021 của Công ty

Theo BCTC riêng, Doanh thu thuần của Công ty mẹ năm 2021 là 69,72 tỷ đồng, giảm 58,66% so với năm 2020. Trong đó, doanh thu từ hoạt động cung cấp dịch vụ đạt 69,92 tỷ đồng chiếm tỷ trọng 100% tổng doanh thu Công ty mẹ trong cả năm 2021.

3.3 Cơ cấu chi phí sản xuất kinh doanh

Bảng 5: Cơ cấu chi phí sản xuất kinh doanh của Công ty – Hợp nhất

Đơn vị: triệu đồng

TT	Chỉ tiêu	Năm 2019		Năm 2020		Năm 2021	
		Giá trị	%DTT	Giá trị	%DTT	Giá trị	%DTT
1	Giá vốn hàng bán	351.451	74,41%	272.525	69,31%	208.480	86,48%
1.1	Giá vốn của hàng hóa đã bán	140.735	29,80%	128.233	32,61%	108.984	45,21%
1.2	Giá vốn của dịch vụ đã cung cấp	210.716	44,61%	144.292	36,7%	99.496	41,27%
2	Chi phí tài chính	36.535	7,74%	41.743	10,62%	25.469	10,57%
3	Chi phí bán hàng	13.272	2,81%	7.189	1,83%	4.470	1,85%
4	Chi phí quản lý doanh nghiệp	71.043	15,04%	71.106	18,08%	47.396	19,66%
Tổng cộng		472.300	100,00%	392.562	99,84%	285.815	118,56%

Nguồn: BCTC hợp nhất kiểm toán năm 2020, 2021 của Công ty



Theo BCTC hợp nhất, Giá vốn hàng bán năm 2021 là 208,48 tỷ đồng, giảm 23,50% so với năm 2020, chiếm tỷ trọng 86,48% doanh thu thuần của Công ty. Cụ thể giá vốn của hàng hóa đã bán chiếm tỷ trọng 45,21% và giá vốn của dịch vụ đã cung cấp chiếm tỷ trọng 41,27%.

Chi phí tài chính năm 2021 là 25,47 tỷ đồng, giảm 39,00% so với năm 2020, chiếm tỷ trọng 10,57% doanh thu thuần. Nguyên nhân chủ yếu là do chi phí lãi vay năm 2021 là 25,20 tỷ đồng tương ứng giảm 18,11% và Công ty không còn ghi nhận khoản lỗ do thanh lý các khoản đầu tư tài chính là 10,76 tỷ đồng so với năm 2020.

Chi phí quản lý doanh nghiệp năm 2021 là 47,40 tỷ đồng, giảm 33,34% so với năm 2020, đồng thời chiếm tỷ trọng 19,66% doanh thu thuần của Công ty.

Bảng 6: Cơ cấu chi phí sản xuất kinh doanh của Công ty – Công ty mẹ

Đơn vị: triệu đồng

TT	Chỉ tiêu	Năm 2019		Năm 2020		Năm 2021	
		Giá trị	%DTT	Giá trị	%DTT	Giá trị	%DTT
1	Giá vốn hàng bán	148.907	67,72%	101.179	59,99%	63.457	91,02%
1.1	Giá vốn của hàng hóa đã bán	-	0,00%	-	0,00%	-	0.00%
1.2	Giá vốn của dịch vụ đã cung cấp	148.907	67,72%	101.179	59,99%	63.457	91,02%
2	Chi phí tài chính	34.787	15,82%	47.119	27,94%	55.670	79,85%
3	Chi phí bán hàng	10.845	4,93%	5.010	2,97%	2.357	3,38%
4	Chi phí quản lý doanh nghiệp	17.977	8,18%	17.230	10,22%	14.637	20,99%
Tổng cộng		212.517	96,64%	170.538	100,11%	136.121	195,24%

Nguồn: BCTC riêng kiểm toán năm 2020, 2021 của Công ty

Theo BCTC riêng, Giá vốn hàng bán của Công ty mẹ năm 2021 là 63,46 tỷ đồng, giảm 37,28% so với năm 2020, đồng thời chiếm 91,02% doanh thu thuần.

Chi phí tài chính năm 2021 là 55,67 tỷ đồng, tăng 18,15% so với năm 2020, và chiếm tỷ trọng 79,85% doanh thu thuần của Công ty mẹ.

Chi phí bán hàng năm 2021 là 2,40 tỷ đồng, chiếm tỷ trọng 3,38% doanh thu thuần, giảm 52,95% so với năm 2020.



Chi phí quản lý doanh nghiệp năm 2021 là 14,64 tỷ đồng, chiếm tỷ trọng 20,99% doanh thu thuần, giảm 15,05% so với năm 2020.

3.4 Nhãn hiệu thương mại, đăng ký phát minh sáng chế

Logo Công ty:



4. Báo cáo kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty (giai đoạn 01/01/2019 – 31/12/2021)

Bảng 7: Một số chỉ tiêu về hoạt động sản xuất kinh doanh – Hợp nhất

Đơn vị: triệu đồng

Chỉ tiêu	Năm 2019	Năm 2020	Năm 2021	Tăng/giảm năm 2021 so với 2020
Tổng giá trị tài sản	1.378.344	1.388.739	1.298.745	(6,48%)
Vốn chủ sở hữu	919.898	1.003.991	1.063.094	5,89%
Doanh thu thuần	570.652	393.186	241.071	(38,69%)
Lợi nhuận thuần từ HĐKD	193.009	100.237	92.308	(7,91%)
Lợi nhuận khác	(4.926)	(7.013)	305	-
Lợi nhuận trước thuế	188.083	93.224	92.613	(0,66%)
Lợi nhuận sau thuế	160.277	88.913	91.941	3,41%
Giá trị sổ sách trên cổ phần	23.151	25.353	26.846	5,89%
Lãi cơ bản trên cổ phần	3.596	2.008	2.313	15,19%

Nguồn: BCTC hợp nhất kiểm toán năm 2020, 2021 của Công ty

Theo BCTC hợp nhất, tại thời điểm 31/12/2021 tổng tài sản Công ty Cổ phần Du lịch Lâm Đồng là 1.298,75 tỷ đồng, giảm 6,48% so với cuối năm 2020. Điều này là do công ty chủ yếu sử dụng các khoản tiền và tương đương tiền để thanh toán các khoản nợ ngắn hạn và dài hạn của công ty. Cuối năm 2021, tiền và tương đương tiền là 16,72 tỷ đồng tương ứng giảm 82,48% so với cuối năm 2020. Nợ ngắn hạn, dài hạn của công ty là



125,75 tỷ đồng và 109,90 tỷ đồng lần lượt giảm 6,60% và 56,06% so với thời điểm cuối năm 2020.

Vốn chủ sở hữu Công ty tại thời điểm 31/12/2021 đạt 1.063,09 tỷ đồng, tăng 5,89% so với thời điểm cuối năm 2020.

Doanh thu thuần năm 2021 là 241.07 tỷ đồng giảm 38,69% so với năm 2020.

Lợi nhuận sau thuế năm 2021 là 91,94 tỷ đồng, tăng 3,03 tỷ đồng so với năm 2020, tương ứng tăng 3,40%. Nguyên nhân do trong năm 2021, Công ty ghi nhận khoản doanh thu tài chính là 99,80 tỷ đồng (tương ứng tăng 37,00%), phần lãi từ các công ty liên doanh liên doanh liên kết là 37,24 tỷ đồng (tương ứng tăng 39,20%) so với năm 2020, ngoài ra các khoản chi phí hoạt động doanh nghiệp, chi phí bán hàng và chi phí tài chính cũng giảm tương đối mạnh so với năm 2020. Lãi cơ bản trên mỗi cổ phiếu năm 2021 là 2.313 đồng/cổ phiếu, tăng 15,19%.

Bảng 8: Một số chỉ tiêu về hoạt động sản xuất kinh doanh – Công ty mẹ

Đơn vị: triệu đồng

Chỉ tiêu	Năm 2019	Năm 2020	Năm 2021	Tăng giảm năm 2021 so với 2020
Tổng giá trị tài sản	1.170.584	1.225.118	1.105.910	(9,73%)
Vốn chủ sở hữu	800.685	907.389	933.172	2,84%
Doanh thu thuần	292.052	168.663	69.719	(58,66%)
Lợi nhuận thuần từ HĐKD	107.220	107.226	26.231	(75,54%)
Lợi nhuận khác	(1.425)	(198)	(448)	-
Lợi nhuận trước thuế	105.794	107.028	25.783	(75,91%)
Lợi nhuận sau thuế	89.317	106.704	25.783	(75,84%)

Nguồn: BCTC riêng kiểm toán năm 2020, 2021 của Công ty

Trong báo cáo tài chính riêng, tại thời điểm 31/12/2021 tổng tài sản của Công ty mẹ là 1.105,91 tỷ đồng, giảm 9,73% so với thời điểm 31/12/2020. Nguyên nhân chủ yếu là do tiền và các khoản tương đương tiền cuối năm 2021 đạt 4,16 tỷ đồng, giảm mạnh (tương ứng 94,47%) so với thời điểm cuối năm 2020.

Vốn chủ sở hữu Công ty tại thời điểm 31/12/2021 đạt 933,17 tỷ đồng, tăng 2,84% so với thời điểm cuối năm 2020.

Năm 2021, doanh thu thuần của Công ty là 69,72 tỷ đồng, giảm 58,66% so với năm 2020. Trong đó, doanh thu từ hoạt động cung cấp dịch vụ năm 2021 là 69,91 tỷ đồng, giảm 99,74 tỷ đồng (tương ứng giảm 58,79%) so với năm 2020. Lợi nhuận sau thuế năm 2021 là 25,78 tỷ đồng, giảm 75,84% so với năm 2020.



5. Vị thế của Công ty so với các doanh nghiệp khác trong cùng ngành

5.1 Triển vọng phát triển của ngành du lịch tại Lâm Đồng

Năm 2022, Ngành Du lịch Đà Lạt - Lâm Đồng có nhiều điều kiện thuận lợi để phát triển như: tình hình an ninh trật tự, chính trị xã hội ở địa phương ổn định; kinh tế tăng trưởng; tài nguyên du lịch, tài nguyên nhân văn phong phú, đa dạng, đậm đà bản sắc dân tộc; cơ sở hạ tầng kinh tế xã hội được cải thiện; đời sống, thu nhập và điều kiện làm việc của nhân dân địa phương được nâng cao, nhu cầu giao lưu văn hóa, nhu cầu đi du lịch của người dân các địa phương trong và ngoài nước đến với Đà Lạt - Lâm Đồng ngày càng tăng. Các đơn vị kinh doanh du lịch cũng cho thấy có dấu hiệu đẩy mạnh đầu tư, nâng cao chất lượng cơ sở vật chất kỹ thuật, dịch vụ và tăng cường tuyển dụng, đào tạo nguồn nhân lực để nâng cao chất lượng phục vụ khách du lịch. Điều đó cho thấy ngành du lịch Đà Lạt - Lâm Đồng nói chung và Dalattourist nói riêng có những thời cơ thuận lợi để thực hiện thắng lợi các nhiệm vụ đã đề ra.

Theo thống kê, tổng lượt khách đến Lâm Đồng 6 tháng đầu năm 2022 ước đạt 3.720.000 lượt, tăng 86,50% so với cùng kỳ; trong đó, khách quốc tế ước đạt 26.000 lượt, tăng 76,40% so với cùng kỳ. Khách qua lưu trú ước đạt 2.220.000 lượt, tăng 117,50% so với cùng kỳ.

-Tuy số liệu thống kê 6 tháng đầu năm là minh chứng cho xu hướng phục hồi của ngành Du lịch trong năm 2022, nhưng do tình hình lây lan dịch COVID-19 trong thời gian này vẫn chưa khống chế được hoàn toàn, và tình hình giá cả tăng cao do ảnh hưởng chung của tình hình thế giới nên sẽ ít nhiều ảnh hưởng đến đà tăng trưởng của ngành. Ước tính, lượng khách du lịch vẫn chưa thể quay lại như trước khi đại dịch xảy ra. Mặc dù vậy, cuối năm nay, Lâm Đồng sẽ tổ chức Festival Hoa Đà Lạt, dự kiến sẽ được xã hội hoá mạnh mẽ với nhiều chương trình đa dạng, hấp dẫn, ý nghĩa nên ngành Du lịch vẫn được kỳ vọng sẽ tiếp tục khởi sắc và dự báo sẽ là lĩnh vực đạt mức tăng trưởng mạnh mẽ nhất của tỉnh trong năm nay.

Hiện nay, ngành Du lịch Đà Lạt - Lâm Đồng còn gặp phải một số khó khăn, hạn chế nhất định như một số đơn vị thiếu quan tâm đến công tác quy hoạch, bảo vệ tôn tạo, đầu tư xây dựng sản phẩm mới dẫn đến tình trạng xuống cấp, ô nhiễm môi trường ở một số danh lam thắng cảnh, làm ảnh hưởng đến việc khai thác phát triển ngành du lịch của tỉnh, đặc biệt là các khu, điểm tại thành phố Đà Lạt. Việc đầu tư còn nhỏ lẻ và thiếu trọng tâm ảnh hưởng đến hiệu quả kinh tế và tác động lớn đến môi trường cảnh quan. Sản phẩm, dịch vụ du lịch tại các danh lam thắng cảnh, khu điểm du lịch trên địa bàn tỉnh còn đơn điệu, trùng lặp, thiếu hấp dẫn, chưa đáp ứng nhu cầu của khách du lịch.

5.2 Triển vọng phát triển của Công ty

Trong năm 2022, mặc dù còn những thách thức tồn tại do ảnh hưởng của dịch COVID-19 nhưng từ đầu năm đến nay, ngành Du lịch của tỉnh Lâm Đồng đã cho thấy những dấu hiệu phục hồi dù vẫn chưa trở lại như mức trước khi đại dịch bùng phát. Trong bối cảnh đó, Dalattourist luôn cố gắng phấn đấu là doanh nghiệp du lịch nằm trong top đầu của ngành du lịch tỉnh Lâm Đồng. Hiện nay, Công ty có nguồn vốn lớn có



thể đầu tư nhiều hơn, phát triển thêm sản phẩm mới đồng thời được sự quan tâm và ủng hộ của lãnh đạo Tỉnh, Thành phố và các Sở Ban ngành giúp cho doanh nghiệp ngày một phát triển. Cụ thể: doanh thu, lợi nhuận từ hoạt động cung cấp dịch vụ giám so với cùng kỳ năm trước (chi tiết như trong báo cáo của TGD); một số dự án hoặc hạng mục của dự án đã được hình thành và một số đã được đầu tư, một số đang đầu tư; sự quan tâm ủng hộ của Lãnh đạo Tỉnh, Thành phố và các Sở Ban ngành;

Phần lớn đội ngũ CBCNV có tinh thần trách nhiệm, toàn tâm toàn ý, kiên trì nỗ lực phát triển hoạt động kinh doanh và ủng hộ sự phát triển của Công ty, tạo được động lực để vươn tới trong bối cảnh cạnh tranh rất quyết liệt của thị trường.

6. Chính sách đối với người lao động

6.1 Cơ cấu lao động Công ty tại 30/06/2022

Tính đến 30/06/2022, tổng số nhân viên tại Công ty là 197 người với cơ cấu cụ thể như sau:

Bảng 9: Cơ cấu lao động của Công ty

TT	Tiêu chí	Số lượng	Tỷ trọng
Theo trình độ			
1	Trên Đại học	1	0,50%
2	Đại học, cao đẳng	79	40,10%
3	Đối tượng khác	117	59,40%
Tổng cộng		197	100,00%
Theo giới tính			
1	Nam	118	59,90%
2	Nữ	79	40,10%
Tổng cộng		197	100,00%

Nguồn: Công ty CP Du lịch Lâm Đồng

6.2 Chính sách đối với người lao động

- Công ty thực hiện và tuân thủ đúng các quy định của Bộ luật lao động về chế độ làm việc, lương, thưởng, chi trả trợ cấp mất việc làm cho người lao động;
- Công ty thực hiện nghiêm túc các chế độ chính sách đối với người lao động như: đóng bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, bảo hiểm thất nghiệp, chế độ trợ cấp, ốm đau thai sản ... đảm bảo tuân thủ các chế độ chính sách đối với người lao động trong Công ty theo đúng quy định của pháp luật về lao động, hợp đồng lao động và thỏa ước lao động tập thể. Khuyến khích người lao động học tập nâng cao trình độ chuyên môn, hiểu biết về xã hội, tạo điều kiện cho người lao động tham gia hoạt động thể thao, văn hóa văn nghệ...;



- Thăm hỏi động viên kịp thời cán bộ công nhân viên khi có việc hiếu hỷ, ốm đau, tổ chức quyên góp giúp đỡ cán bộ công nhân viên khi gặp hoàn cảnh khó khăn;
- Công tác an toàn lao động và vệ sinh công nghiệp được đặc biệt quan tâm chú trọng, việc huấn luyện an toàn lao động, phòng chống cháy nổ và trang bị bảo hộ lao động được thực hiện đầy đủ, nghiêm túc;
- Chính sách đào tạo nguồn nhân lực: Với phương châm nhân lực là nguồn lực quan trọng nhất tạo nên thành công cho công ty, Công ty luôn chú trọng đến việc phát triển nguồn nhân lực với các chính sách đào tạo, tuyển dụng người tài nhằm chọn được những cá nhân tốt nhất cũng như xây dựng được một tập thể vững mạnh. Khuyến khích việc tham gia học tập các lớp học, khóa học do các trường đào tạo;
- Tuyển dụng: Với hệ thống quy chế tuyển dụng được ban hành đã tạo ra khung cơ bản nhằm góp phần tuyển chọn những người thực sự có tài góp sức xây dựng doanh nghiệp;
- Mức lương bình quân năm 2021: 5.200.000 đồng/người/tháng.

7. Chính sách cổ tức

Bảng 10: Tình hình chi trả cổ tức

Năm	Tỷ lệ cổ tức (theo mệnh giá)	Hình thức chi trả	Tình hình chi trả
2018	9,2%	Tiền mặt	Đã hoàn thành
2019	Không	—	—
2020	Không	—	—
2021	Không	—	—

Nguồn: Công ty CP Du lịch Lâm Đồng

8. Tình hình tài chính

8.1. Các chỉ tiêu cơ bản

Năm tài chính của Công ty Cổ phần Du lịch Lâm Đồng bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12 hàng năm. Đơn vị tiền tệ sử dụng trong Báo cáo tài chính bằng Đồng Việt Nam. Công ty áp dụng và tuân thủ Chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam hiện hành và các quy định pháp lý có liên quan.

❖ Trích khấu hao TSCĐ

Tài sản cố định hữu hình, tài sản cố định vô hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng. Mức khấu hao được xác định căn cứ vào nguyên giá và thời gian hữu dụng ước tính của tài sản. Thời gian khấu hao phù hợp với Thông tư số 45/2013/TT-BTC ngày 25/04/2013 của bộ Tài chính, cụ thể:

Bảng 11: Thời gian khấu hao Tài sản cố định



TT	Nhóm tài sản	Thời gian khấu hao
1	Nhà cửa, vật kiến trúc	05- 30 năm
2	Máy móc, thiết bị	05 - 10 năm
3	Phương tiện vận tải, truyền dẫn	06 - 10 năm
4	Thiết bị dụng cụ quản lý	03 - 05 năm
5	Quyền sử dụng đất không xác định thời hạn	Không trích khấu hao
6	Tài sản cố định vô hình khác	03 - 05 năm

Nguồn: BCTC hợp nhất kiểm toán năm 2021 của Công ty

❖ Các khoản phải nộp theo luật định

Bảng 12: Thuế và Các khoản nộp Nhà nước của Công ty – Hợp nhất

Đơn vị: triệu đồng

TT	Chỉ tiêu	31/12/2019	31/12/2020	31/12/2021
1	Thuế GTGT phải nộp	3.851	2.346	117
2	Thuế xuất khẩu, nhập khẩu	-	-	-
3	Thuế thu nhập doanh nghiệp	24.604	1.556	298
4	Thuế thu nhập cá nhân	3.008	2.925	89
5	Thuế nhà đất, tiền thuê đất	-	15	687
6	Các loại thuế khác	-	-	-
Tổng cộng		31.463	6.842	1.191

Nguồn: BCTC hợp nhất kiểm toán năm 2020, 2021 của Công ty

Bảng 13: Thuế và Các khoản nộp Nhà nước của Công ty – Công ty mẹ

Đơn vị: triệu đồng

TT	Chỉ tiêu	31/12/2019	31/12/2020	31/12/2021
1	Thuế GTGT phải nộp	1.940	1.110	-
2	Thuế xuất khẩu, nhập khẩu	-	-	-
3	Thuế thu nhập doanh nghiệp	16.478	-	-
4	Thuế thu nhập cá nhân	65	44	16
5	Thuế nhà đất, tiền thuê đất	-	-	673



Tổng cộng	18.482	1.154	689
-----------	--------	-------	-----

Nguồn: BCTC riêng kiểm toán năm 2020, 2021 của Công ty

❖ Trích lập các quỹ theo luật định

Tỷ lệ trích lập tùy theo kết quả kinh doanh trong năm và mục tiêu phát triển của Công ty, đồng thời phù hợp với điều lệ của Công ty và các quy định của pháp luật.

Bảng 14: Số dư các quỹ của Công ty – Hợp nhất

Đơn vị: triệu đồng

TT	Khoản mục	31/12/2019	31/12/2020	31/12/2021
1	Quỹ đầu tư phát triển	18.504	18.504	18.504
2	Quỹ khen thưởng và phúc lợi	6.890	6.890	6.890
	Tổng cộng	25.394	25.394	25.394

Nguồn: BCTC hợp nhất kiểm toán năm 2020, 2021 của Công ty

Bảng 15: Số dư các quỹ của Công ty – Công ty mẹ

Đơn vị: triệu đồng

TT	Khoản mục	31/12/2019	31/12/2020	31/12/2021
1	Quỹ đầu tư phát triển	18.504	18.504	18.504
2	Quỹ khen thưởng và phúc lợi	6.564	6.564	6.564
	Tổng cộng	25.068	25.068	25.068

Nguồn: BCTC riêng kiểm toán năm 2020, 2021 của Công ty

❖ Tình hình đầu tư

Bảng 16: Các khoản đầu tư tài chính của Công ty – Hợp nhất

Đơn vị: triệu đồng

T T	Các chỉ tiêu	31/12/2019	31/12/2020	31/12/2021
I	Đầu tư tài chính ngắn hạn	201.193	47.616	47.901
1	Chứng khoán kinh doanh	195.629	45.841	46.438
2	Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	5.564	1.775	1.463
3	Dự phòng giảm giá đầu tư tài chính ngắn hạn	-	-	-
II	Đầu tư tài chính dài hạn	659.534	819.931	840.329



1	Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết	641.191	811.681	808.029
2	Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	18.250	8.250	32,300
3	Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	93	-	-
4	Đầu tư vào công ty con	-	-	-
Tổng cộng		860.727	867.547	888.230

Nguồn: BCTC hợp nhất kiểm toán năm 2020, 2021 của Công ty

Theo BCTC hợp nhất, Khoản đầu tư tài chính ngắn hạn của Công ty tại thời điểm 31/12/2021 là 47,90 tỷ đồng, chiếm 5,39% các khoản đầu tư tài chính. Trong đó, khoản mục chứng khoán kinh doanh chiếm tỷ trọng chủ yếu, tăng từ 45,84 tỷ đồng cuối năm 2020 lên 46,44 tỷ đồng cuối năm 2021, đồng thời chiếm 96,95% trong cơ cấu các khoản Đầu tư tài chính ngắn hạn của Công ty.

Khoản đầu tư tài chính dài hạn Công ty tại thời điểm 31/12/2021 là 840,33 tỷ đồng, chiếm 94,61% các khoản đầu tư tài chính, tăng 20,40 tỷ đồng (tương ứng tăng 2,48%) so với thời điểm cuối năm 2020. Trong đó, phần đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết chiếm tỷ trọng chủ yếu, tại thời điểm cuối năm 2021 hầu như không có sự thay đổi nhiều so với năm 2020. Khoản đầu tư góp vốn vào đơn vị khác lại tăng mạnh từ 8,25 tỷ đồng cuối năm 2020 lên 32,30 tỷ đồng cuối năm 2021.

Bảng 17: Các khoản đầu tư tài chính của Công ty – Công ty mẹ

Đơn vị: triệu đồng

TT	Các chỉ tiêu	31/12/2019	31/12/2020	31/12/2021
I	Đầu tư tài chính ngắn hạn	85.189	888	3.094
1	Chứng khoán kinh doanh	82.189	888	3.094
2	Dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh	-	-	-
3	Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	3.000	-	-
II	Đầu tư tài chính dài hạn	888.510	979.905	911.056
1	Đầu tư vào công ty con	348.996	418.699	237.280
2	Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết	521.264	470.767	640.194



3	Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	18.250	90.439	34.049
4	Dự phòng giảm giá đầu tư dài hạn	-	-	(466)
Tổng cộng		973.699	980.793	914.150

Nguồn: BCTC riêng kiểm toán năm 2020, 2021 của Công ty

Theo BCTC riêng, Khoản đầu tư tài chính ngắn hạn của Công ty mẹ tại thời điểm 31/12/2021 là 3,10 tỷ đồng, chiếm 0,34% các khoản đầu tư tài chính, tăng 2,21 tỷ đồng (tương ứng tăng gần 3,5 lần) so với thời điểm cuối năm 2020. Khoản đầu tư tài chính dài hạn Công ty tại thời điểm 31/12/2021 là 911,06 tỷ đồng, chiếm tỷ trọng 99,66% các khoản đầu tư tài chính, giảm 68,85 tỷ đồng (tương ứng giảm 7,03%) so với thời điểm cuối năm 2020.

❖ **Tình hình công nợ**

▪ **Các khoản phải thu:**

Bảng 18: Các khoản phải thu của Công ty – Hợp nhất

Đơn vị: triệu đồng

T T	Các chỉ tiêu	31/12/2019	31/12/2020	31/12/2021
I	Phải thu ngắn hạn	110.490	104.555	110.423
1	Phải thu ngắn hạn của khách hàng	77.105	67.516	62.856
2	Trả trước cho người bán ngắn hạn	6.594	4.753	2.408
3	Phải thu về cho vay ngắn hạn	565	148	6.568
4	Phải thu ngắn hạn khác	26.306	32.960	39.884
5	Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	(80)	(823)	(1.292)
II	Phải thu dài hạn	8.957	8.450	8.466
1	Phải thu dài hạn khác	8.957	8.450	8.466
Tổng cộng		119.447	113.005	118.889

Nguồn: BCTC hợp nhất kiểm toán năm 2020, 2021 của Công ty

Theo BCTC hợp nhất, thời điểm hiện tại Các khoản phải thu của Công ty chủ yếu là các khoản phải thu ngắn hạn.



Khoản phải thu ngắn hạn Công ty tại thời điểm 31/12/2021 là 110,42 tỷ đồng, chiếm 92,88% tổng các khoản phải thu của Công ty và tăng 5,61% so với thời điểm cuối năm 2020. Nguyên nhân do tại thời điểm cuối năm 2021, các khoản phải thu về cho vay ngắn hạn và các khoản phải thu khác của Công ty tăng.

Khoản phải thu dài hạn Công ty, ghi nhận tại khoản phải thu dài hạn khác tại thời điểm 31/12/2021 là 8,47 tỷ đồng, chiếm 7,12% tổng các khoản phải thu và hầu như không thay đổi nhiều so với thời điểm cuối năm 2020.

Bảng 19: Các khoản phải thu của Công ty – Công ty mẹ

Đơn vị: triệu đồng

T T	Các chỉ tiêu	31/12/2019	31/12/2020	31/12/2021
I	Phải thu ngắn hạn	7.628	12.870	43.702
1	Phải thu ngắn hạn của khách hàng	5.663	3.662	1.964
2	Trả trước cho người bán ngắn hạn	499	496	262
3	Phải thu về cho vay ngắn hạn	565	5.468	6.568
4	Phải thu ngắn hạn khác	982	4.018	36.161
5	Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	(80)	(774)	(1.252)
II	Phải thu dài hạn	8.957	8.450	8.450
1	Phải thu dài hạn khác	8.957	8.450	8.450
	Tổng cộng	16.585	21.320	52.152

Nguồn: BCTC riêng kiểm toán năm 2020, 2021 của Công ty

Theo BCTC riêng, Các khoản phải thu Công ty mẹ cuối năm 2021 tăng 144,62% so với thời điểm cuối năm 2020.

Khoản phải thu ngắn hạn Công ty mẹ tại thời điểm 31/12/2021 là 43,70 tỷ đồng, chiếm 83,80% tổng các khoản phải thu của Công ty, tương ứng tăng gần 3 lần so với thời điểm cuối năm 2020. Khoản phải thu dài hạn Công ty, ghi nhận tại khoản phải thu dài hạn khác tại thời điểm 31/12/2021 là 8,45 tỷ đồng, chiếm 26,20% tổng các khoản phải thu và không thay đổi so với cuối năm 2020.

▪ **Các khoản phải trả:**

Bảng 20: Các khoản phải trả của Công ty – Hợp nhất



Đơn vị: triệu đồng

TT	Khoản mục	31/12/2019	31/12/2020	31/12/2021
I	Nợ ngắn hạn	189.493	134.640	125.751
1	Phải trả cho người bán	77.250	67.679	69.507
2	Người mua trả tiền trước	2.859	908	2.688
3	Thuế và các khoản phải nộp nhà nước	31.463	6.842	1.191
4	Phải trả người lao động	12.754	8.126	6.799
5	Chi phí phải trả ngắn hạn	6.417	6.233	15.273
6	Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn	47	31	5
7	Các khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn khác	14.866	12.931	11.711
8	Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	36.948	25.000	11.687
9	Quỹ khen thưởng và phúc lợi	6.890	6.890	6.890
II	Nợ dài hạn	268.954	250.107	109.900
1	Phải trả dài hạn khác	2.692	2.970	-
2	Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	266.262	247.137	109.900
Tổng cộng		461.579	384.748	235.651

Nguồn: BCTC hợp nhất kiểm toán năm 2020, 2021 của Công ty

Theo BCTC hợp nhất, Các khoản nợ phải trả của Công ty bao gồm các khoản nợ ngắn hạn và dài hạn đều giảm tại thời điểm cuối năm 2021 so với cuối năm 2020.

Các khoản nợ ngắn hạn tại thời điểm 31/12/2021 là 125,75 tỷ đồng, giảm 6,60% so với thời điểm cuối năm 2020 và chiếm 53,36% trong cơ cấu nợ của Công ty.

Các khoản nợ dài hạn của Công ty tại thời điểm 31/12/2021 là 109,90 tỷ đồng, giảm 56,06% so với thời điểm cuối năm 2020 và chiếm 46,64% trong cơ cấu nợ hiện tại của Công ty.

Bảng 21: Các khoản phải trả của Công ty – Công ty mẹ

Đơn vị: triệu đồng

TT	Khoản mục	31/12/2019	31/12/2020	31/12/2021
I	Nợ ngắn hạn	101.910	68.700	59.554
1	Phải trả cho người bán	15.230	18.475	8.960
2	Người mua trả tiền trước	562	505	376



3	Thuế và các khoản phải nộp nhà nước	18.482	1.154	689
4	Phải trả người lao động	9.283	5.436	4.107
5	Chi phí phải trả ngắn hạn	4.198	3.651	12.134
6	Các khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn khác	10.862	8.025	15.352
7	Quỹ khen thưởng phúc lợi	6.564	6.564	6.564
8	Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn	47	31	5
9	Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	36.682	24.860	11.367
II	Nợ dài hạn	267.990	249.029	113.185
1	Phải trả dài hạn khác	211	375	-
2	Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	267.779	248.654	113.185
Tổng cộng		369.899	317.729	172.739

Nguồn: BCTC riêng kiểm toán năm 2020, 2021 của Công ty

Theo BCTC riêng, Các khoản nợ ngắn hạn Công ty mẹ tại thời điểm 31/12/2021 là 59,55 tỷ đồng, giảm 13,31% so với thời điểm cuối năm 2020 và chiếm 34,48% trong cơ cấu nợ hiện tại của Công ty.

Các khoản nợ dài hạn của Công ty tại thời điểm 31/12/2021 là 113,19 tỷ đồng, giảm 54,55% so với thời điểm cuối năm 2020 và chiếm 65,52% trong cơ cấu nợ hiện tại của Công ty.

8.2. Các chỉ tiêu tài chính chủ yếu

Bảng 22: Các chỉ tiêu tài chính chủ yếu của Công ty – Hợp nhất

Chỉ tiêu	Đơn vị	Năm 2020	Năm 2021
1. Chỉ tiêu về khả năng thanh toán			
+ Hệ số thanh toán ngắn hạn TSLĐ/Nợ ngắn hạn	lần	2,00	1,58
+ Hệ số thanh toán nhanh (TSLĐ- Hàng tồn kho)/Nợ ngắn hạn	lần	1,88	1,43
2. Chỉ tiêu về cơ cấu vốn			
+ Hệ số Nợ/Tổng tài sản	lần	0,28	0,18
+ Hệ số Nợ/Vốn chủ sở hữu	lần	0,38	0,22
3. Chỉ tiêu về khả năng sinh lời			



+ Hệ số Lợi nhuận sau thuế/Doanh thu thuần (ROS)	%	22,61%	38,14%
+ Hệ số Lợi nhuận sau thuế/Vốn chủ sở hữu (ROE)	%	9,24%	8,90%
+ Hệ số Lợi nhuận sau thuế/Tổng tài sản (ROA)	%	6,43%	6,84%
+ Hệ số Lợi nhuận từ HĐKD/Doanh thu thuần	%	25,49%	38,29%
+ Thu nhập trên cổ phần (EPS)	Đồng	2.008	2.313
+ Tỷ lệ chia cổ tức trên mệnh giá cổ phần	%	-	-

Nguồn: BCTC hợp nhất kiểm toán năm 2020, 2021 của Công ty

Hệ số thanh toán ngắn hạn và hệ số thanh toán nhanh của Công ty năm 2021 là 1,58 và 1,43 (>1 lần), chứng tỏ Công ty hoàn toàn có khả năng thanh toán các khoản nợ ngắn hạn đến hạn thanh toán. Tuy nhiên hệ số thanh toán ngắn hạn và hệ số thanh toán nhanh của Công ty trong năm 2021 lại giảm khá đáng kể so với năm 2020 điều này là do các khoản tiền và tương đương tiền cuối năm 2021 là 16,72 tỷ đồng tương ứng giảm 82,48% so với năm 2020.

Các chỉ tiêu về cơ cấu vốn được thể hiện qua tình hình tài chính lành mạnh của Công ty, hệ số Nợ/Tổng tài sản và hệ số Nợ/Vốn chủ sở hữu đều tương đối thấp và đang giảm dần tỷ lệ nợ qua các năm.

Trong năm 2021, các hệ số về khả năng sinh lời của công ty nhìn chung đều tăng so với năm 2020, tuy nhiên chỉ có hệ số ROE giảm nhẹ so với năm 2020.

Bảng 23: Các chỉ tiêu tài chính chủ yếu của Công ty – Công ty mẹ

Chỉ tiêu	Đơn vị	Năm 2020	Năm 2021
1. Chỉ tiêu về khả năng thanh toán			
+ Hệ số thanh toán ngắn hạn TSLĐ/Nợ ngắn hạn	lần	1,44	1,02
+ Hệ số thanh toán nhanh (TSLĐ- Hàng tồn kho)/Nợ ngắn hạn	lần	1,35	0,93
2. Chỉ tiêu về cơ cấu vốn			
+ Hệ số Nợ/Tổng tài sản	lần	0,26	0,16
+ Hệ số Nợ/Vốn chủ sở hữu	lần	0,35	0,19
3. Chỉ tiêu về khả năng sinh lời			
+ Hệ số Lợi nhuận sau thuế/Doanh thu thuần	%	63,26%	36,98%
+ Hệ số Lợi nhuận sau thuế/Vốn chủ sở hữu	%	12,49%	2,80%
+ Hệ số Lợi nhuận sau thuế/Tổng tài sản	%	8,91%	2,21%
+ Hệ số Lợi nhuận từ HĐKD/Doanh thu thuần	%	63,57%	37,62%

Nguồn: BCTC riêng kiểm toán năm 2020, 2021 của Công ty



9. Hội đồng Quản trị, Ban Tổng Giám đốc, Ban Kiểm soát, Kế toán trưởng

Bảng 24: Danh sách thành viên HĐQT, Ban Tổng Giám đốc, BKS và Kế toán trưởng

STT	Họ và tên	Chức vụ	Số cổ phiếu nắm giữ (CP)			Tỷ lệ (%)
			Được ủy quyền đại diện phần vốn của SCIC tại doanh nghiệp	Cá nhân nắm giữ	Tổng	
Hội đồng quản trị						
1	Đặng Quốc Chính	Chủ tịch HĐQT		-	-	
2	Huỳnh Bình Thanh	Thành viên HĐQT		-	-	
3	Nguyễn Thiên Tường	Thành viên HĐQT		3.300	3.300	0,01%
4	Nguyễn Đức Thanh	Thành viên HĐQT		-	-	
5	Nguyễn Thị Kim Giang	Thành viên HĐQT		-	-	
6	Trần Thanh Hương	Thành viên HĐQT		-	-	
7	Đặng Ngọc Anh	Thành viên HĐQT		12.800	12.800	0,03%
8	Lê Thị Thanh Hà	Thành viên HĐQT		-	-	
9	Nguyễn Nhật Vũ	Thành viên HĐQT		-	-	
Ban kiểm soát						
1	Nguyễn Thị Lê Anh	Trưởng BKS		-	-	
2	Nguyễn Thị Kim Dung	Thành viên BKS		-	-	
3	Nguyễn Thị Linh Phương	Thành viên BKS		-	-	



Ban Tổng Giám đốc						
1	Nguyễn Thị Kim Giang	Tổng giám đốc		-	-	
3	Tạ Thị Diệu Quỳnh	Phó Tổng giám đốc		1.500	1,500	0,0038%
4	Nguyễn Nhật Vũ	Phó Tổng giám đốc		-	-	
Kế toán trưởng						
1	Phạm Thị Xuân Nhàn	Kế toán trưởng		-	-	

Nguồn: Công ty CP Du lịch Lâm Đồng

10. Tài sản

❖ Danh mục tài sản tính đến ngày 31/12/2021

Bảng 25: Danh mục tài sản của Công ty đến ngày 31/12/2021 - Hợp nhất

Đơn vị: đồng

ST T	Tên tài sản	Nguyên giá	Giá trị còn lại	Giá trị còn lại/nguyên giá
I	Tài sản cố định hữu hình	234.287.862.656	92.412.864.705	39,44%
1	Nhà cửa, vật kiến trúc	80.375.913.748	23.783.305.505	29,59%
2	Máy móc, thiết bị	123.879.663.027	54.010.115.682	43,60%
3	Phương tiện vận tải, truyền dẫn	29.429.506.790	14.457.749.348	49,13%
4	Thiết bị, dụng cụ quản lý	390.909.091	-	-
5	Tài sản cố định khác	211.870.000	161.694.170	76,32%
II	Tài sản cố định vô hình	265.306.992	135.104.000	50,92%
1	Chi phí đền bù	96.426.992	-	-
2	Phần mềm máy tính	168.880.000	135.104.000	80,00%
Tổng		234.553.169.648	92.547.968.705	39,47%

Nguồn: BCTC hợp nhất kiểm toán năm 2021 của Công ty



Bảng 26: Danh mục tài sản của Công ty đến ngày 31/12/2021 - Công ty mẹ

Đơn vị: đồng

ST T	Tên tài sản	Nguyên giá	Giá trị còn lại	Giá trị còn lại/nguyên giá
I	Tài sản cố định hữu hình	220.122.644.010	85.837.028.996	39,00%
1	Nhà cửa, vật kiến trúc	70.598.989.893	19.401.327.820	27,48%
2	Máy móc, thiết bị	122.087.058.171	53.843.233.117	44,10%
3	Phương tiện vận tải, truyền dẫn	27.045.686.855	12.592.468.059	46,56%
4	Thiết bị, dụng cụ quản lý	390.909.091	-	-
II	Tài sản cố định vô hình	265.306.992	135.104.000	50,92%
1	Chi phí đền bù	96.426.992	-	-
2	Phần mềm máy tính	168.880.000	135.104.000	80,00%
Tổng		220.387.951.002	85.972.132.996	39,01%

Nguồn: BCTC riêng kiểm toán năm 2021 của Công ty

❖ **Tình hình Quản lý, sử dụng đất tại thời điểm 30/06/2022**

TT	Diện tích (m ²)	Địa chỉ đất		Mục đích sử dụng	Hiện trạng sử dụng	Đất thuê/Đất giao	Thời gian thuê của thửa đất (Số năm đã thuê/Tổng số năm được thuê)	Loại đất (Đất NN, đất phi NN, đất ở)	Tài sản gắn liền với đất và diện tích chiếm đất của tài sản	Ghi chú
1 (*)	974.900	Khu du lịch Datanla P3, Đà Lạt, trong đó:	Thuộc một phần tiểu khu 266B, Phường 3, thành phố Đà Lạt	Thác Datanla	Thác Datanla	Đất thuê	05/09/2066	Đất lâm nghiệp	Nhà hàng: 703m ² , VP làm việc: 154m ² , khác: 701,5m ²	+ QĐ số 1577/QĐ-UBND ngày 18/07/2017 + GCNQSD đất số CM 193629 ngày 07/11/2018 + HĐ thuê đất số 150/HĐ-TĐ ngày 23/10/2018
1.1 (*)	3.231	Thửa đất số 29, tờ bản đồ số ĐCCS số 01		Bãi đậu xe	Bãi đậu xe	Đất thuê	17/07/2064	Đất thương mại, dịch vụ		+ QĐ số 3790/QĐ-UB ngày 11/12/2000 + QĐ số 1175/QĐ-UBND ngày 26/5/2014 + GCNQSD đất số BU 366354 ngày 15/04/2015 + PL HĐ thuê đất số 90/PL-HĐTĐ ngày 10/07/2018 + QĐ 232/QĐ-UBND ngày 15/02/2022

1.2	19.429	Máng trượt	Thửa đất số 27, tờ bản đồ số DCCS số 01	Máng trượt	Máng trượt	Đất thuê	01/12/2035	Đất cơ sở SXKD	525m ²	+ QĐ số 1036/QĐ-UBND ngày 29/05/2013 + GCNQSD đất số BU 366329 ngày 15/04/2015 + PL HĐĐ số 179/PL-HĐTĐ ngày 28/11/2018
1.3	1.570	Cáp trượt	Thửa đất số 28, tờ bản đồ số DCCS số 01	Cáp trượt	Cáp trượt	Đất thuê	Đến ngày 12/10/2059	Đất cơ sở SXKD		+ QĐ số 101/QĐ-UBND ngày 17/01/2020 + GCN QSD đất số CM 193629, ngày 14/02/2020 + PL HĐTH số 10/PL-HĐTĐ ngày 13/02/2020
1.4	448	Kisoque	Thuộc 1 phần tiểu khu 266B	Đất xây dựng SXKD phi nông nghiệp	Kisoque	Đất thuê	Đến ngày 05/09/2066	Đất xây dựng SXKD phi nông nghiệp	163m ²	+ QĐ số 1175/QĐ-UBND ngày 26/05/2014 + GCNQSD đất số AN 742923 ngày 07/01/2009 + PL HĐTĐ số 178/PL-HĐTĐ ngày 28/11/2018
2	2.836	Nhà số 40 Quang Trung (trước là 10 Quang Trung)	Thửa đất số 170, tờ bản đồ số C70-IV-B, 10 Quang Trung	Đất cơ sở SXKD	Nhà số 40 Quang Trung (trước là 10 Quang Trung)	Đất thuê	Đến ngày 06/09/2050	Đất cơ sở SXKD	516m ²	+ QĐ số 423/QĐ-UBND ngày 10/03/2014 + VB số 1158, ngày 14/03/2014 + PL HĐTĐ số 88/PL-HĐTĐ ngày 10/07/2018
3 (*)	21.425	KDL Cáp treo – Đồi Roobin, P3, Đà Lạt, Lâm Đồng	Đồi Roobin, phường 3, Đà Lạt, Lâm Đồng	Cáp treo	Cáp treo	Đất thuê	Đến ngày 31/12/2023	Đất cơ sở SXKD	Văn phòng làm việc, bãi đậu xe, ga đến: 3.240m ²	

4 (*)	190,40	Số 31 Trương Công Định, P1, thành phố Đà Lạt	Thửa đất số 100, tờ bản đồ số ĐC số 07, P1	Lưu trú	Nhà nghỉ	Đất thuê	10 năm, từ 01/01/2014	Đất cơ sở SXKD		+ QĐ số 696/QĐ-UBND ngày 07/04/2014 + PL HĐĐĐ số 113/PL-HĐĐĐ ngày 16/07/2019
5 (*)	3.177	Khách sạn Hải Sơn (nay là Nice Dream), số 01 Nguyễn Thị Minh Khai, P1, Đà Lạt	Thửa đất số 98, tờ bản đồ số ĐC số 08, P1	Lưu trú	Khách sạn	Đất thuê	5 năm từ kể từ 01/01/2020	Đất cơ sở SXKD	Khách sạn Nice Dream: 1.063m ²	+ VB số 2977, ngày 11/06/2014 + QĐ số 2037/QĐ-UBND ngày 24/09/2015 + PL HĐĐĐ số 162/HĐ-TĐ ngày 23/10/2015 + CV số 1014/UBND-TH ngày 27/02/2020
6	69.369	Bãi đậu xe dưới tán rừng (Dự án được giao sau CPH)	Thửa đất số 39, tờ bản đồ số ĐCCS số 01	Bãi đậu xe	Bãi đậu xe	Đất thuê	Đến ngày 18/07/2064	Đất TM DV 3.624,7m ² , đất lâm nghiệp 65.744,3 m ²		+ QĐ số 1397/QĐ-UBND ngày 29/06/2015 + GCNQSD đất số CM 193959 ngày 20/05/2019 + HĐĐĐ số 102/HĐ-TĐ ngày 16/07/2015 + QĐ số 1997/QĐ-UBND ngày 18/09/2015 + PL HĐĐĐ số 02/HĐ-TĐ ngày 06/01/2016



6.1	3.624,70	Đã chuyển đổi mục đích sử dụng đất	Thửa số 39, tờ bản đồ số ĐCCS số 01, Phường 3, thành phố Đà Lạt	Bãi đậu xe	Bãi đậu xe	Đất thuê	Đến ngày 18/07/2064	Đất Phi nông nghiệp		+ QĐ số 1997/QĐ-UBND ngày 18/09/2015 + PL HĐĐTĐ số 02/HĐ-TĐ ngày 06/01/2016
7 (**)	2.124	Nhà hàng Thủy Tạ - số 1 Yersin, P10, Đà Lạt, Lâm Đồng	Số 1 Yersin, P10, Đà Lạt, Lâm Đồng	Nhà hàng Thủy Tạ	Nhà hàng Thủy Tạ	Đất thuê	QĐ thu hồi đất của UBND tỉnh Lâm Đồng (số 128/QĐ- UBND ngày 19/01/2022)	Đất chuyên dùng	Nhà hàng: 200m ²	+ QĐ số 128/QĐ-UBND ngày 19/01/2022 + QĐ số 1279/QĐ-UBND ngày 10/12/1997 + VB số 5217, ngày 22/07/2009 + VB số 1175, ngày 26/05/2014 + PL HĐĐTĐ số 87/HĐ-TĐ ngày 10/07/2018
8 (**)	10.400	Khu du lịch hồ Tuyền Lâm (nay là khu vườn Nhật Bản)	Khoảnh 3, Tiểu khu 165, Phường 4, Đà Lạt	Công ty đã lập dự án đầu tư nhưng UBND tỉnh chưa xem xét theo VB số 4183/UBND- ĐC ngày 09/7/2019, Từ năm 2019 đến nay nhà nước không có văn bản thu thuế nữa		Đất thuê	QĐ thu hồi đất của UBND tỉnh Lâm Đồng (số 2205/QĐ- UBND ngày 25/10/2012)	Đất lâm nghiệp		+ QĐ số 2205/QĐ-UB ngày 25/10/2012 + QĐ số 1727/QĐ-UBND ngày 13/8/2015 + CV số 1080/UBND-VX2 ngày 01/3/2019 + CV số 4183/UBND-ĐC ngày 09/7/2019

Nguồn: Công ty CP Du lịch Lâm Đồng

- Lưu ý:

(*): Các lô đất này chưa ký lại Hợp đồng thuê đất theo chu kỳ thuê 05 năm.

(**): Đất đã có quyết định thu hồi của UBND tỉnh Lâm Đồng. Tuy nhiên, đến thời điểm 30/06/2022, Nhà hàng Thủy Tạ vẫn đang hoạt động bình thường.

(***) Khu du lịch Langbiang: Hàng năm, UBND huyện Lạc Dương thực hiện ký kết hợp đồng cho thuê tài sản với Công ty cổ phần Du lịch Lâm Đồng. Gần nhất là Hợp đồng thuê tài sản số 01/LĐ-HĐTTS ngày 05/7/2021.

**11. Kế hoạch sản xuất kinh doanh của Công ty****Bảng 27: Kế hoạch sản xuất kinh doanh của Công ty năm 2022***Đơn vị: triệu đồng*

Chỉ tiêu (theo tiêu chí báo cáo riêng)	Năm 2021	Năm 2022	
	Thực hiện	Kế hoạch	% Tăng giảm so với năm 2021
Doanh thu	69.719	210.000	201,21%
Lợi nhuận trước thuế	25.783	80.000	210,28%
Vốn điều lệ	396.000	396.000	-
Tỷ lệ lợi nhuận trước thuế/Doanh thu	36,98%	38,10%	-
Tỷ lệ lợi nhuận trước thuế/vốn điều lệ	6,51%	20,20%	-
Tỷ lệ chia cổ tức	0%	0%	-

(Nguồn: Nghị quyết ĐHĐCĐ thường niên năm 2022 ngày 12/05/2022 của Công ty)

(*) Nghị quyết ĐHĐCĐ thường niên ngày 12/05/2022 của Công ty đã thông qua kế hoạch kinh doanh năm 2022, không có kế hoạch tăng vốn điều lệ trong năm 2022 và không có kế hoạch chia cổ tức năm 2022.

Các biện pháp để thực hiện kế hoạch kinh doanh năm 2022:

Thay đổi phương thức quản lý, tạo động lực thúc đẩy sự phát triển của Doanh nghiệp, kinh doanh đạt hiệu quả cao hơn, góp phần thúc đẩy sự phát triển kinh tế của địa phương, tăng thu nhập cho người lao động.

a. Công tác tiếp thị và bán hàng:

Tiếp tục quảng bá hình ảnh của doanh nghiệp (nhất là các điểm đến), xây dựng hình ảnh và thương hiệu, nhận diện thương hiệu có chiều sâu và tầm cao. Đẩy mạnh liên kết với các nước trong khu vực, hình thành các tour tuyến du lịch mới, thu hút lượng khách quốc tế đến với Công ty.

Kéo dài thời gian lưu khách tại các điểm đến để tối đa mức tiêu dùng của khách, chú trọng phát triển các thực phẩm là đặc sản địa phương để thu hút khách.

Nâng cao chất lượng bán hàng và chăm sóc khách hàng, xây dựng quy trình bán hàng chuyên nghiệp và việc áp dụng đúng quy trình là bắt buộc.

Tiếp tục phối hợp chặt chẽ, có hiệu quả với Hiệp hội Du lịch Lâm Đồng – Đà Lạt, Sở Văn hóa, Thể thao & Du lịch và Trung tâm XT và ĐT du lịch Tỉnh để xúc tiến du lịch các tỉnh có nhiều tiềm năng của Hàn Quốc, Thái Lan, Đài Loan (Trung Quốc)..., nhằm thu hút lượng khách nước ngoài đến các điểm đến của Dalattourist vào mùa thấp điểm.



Trong công tác marketing, cần tập trung vào khách hàng chính, đo lường được hiệu quả marketing và phối hợp các kỹ thuật marketing để đạt hiệu quả cao hơn.

Nghiên cứu đưa ra mặt hàng lưu niệm mang thương hiệu của Công ty để bán cho du khách tại các đơn vị.

Đẩy mạnh công tác bán hàng của phòng Sales & Marketing, xây dựng các chính sách bán hàng hợp lý trong từng mùa, từng giai đoạn, giao chỉ tiêu doanh số cho nhân viên bán hàng để gia tăng thị phần của Công ty.

Phát huy vai trò bán hàng, tìm kiếm và tiếp cận khách hàng tiềm năng theo định hướng của công ty đã đề ra để đạt doanh số được giao.

b. Công tác nhân sự và Lao động tiền lương:

Phải xác định chất lượng phục vụ là yếu tố hết sức quan trọng của chương trình cải tiến chất lượng dịch vụ. Vì vậy, Phòng Hành chính nhân sự cần tập trung nghiên cứu kỹ nguồn nhân lực theo nghiệp vụ và tiêu chí phù hợp với các dịch vụ của Dalattourist trong công tác tuyển dụng để có được nguồn nhân lực chất lượng cao.

Thường xuyên mở các lớp đào tạo, đào tạo lại chuyên môn nghiệp vụ, kỹ năng giao tiếp cho toàn bộ CBCNV-NLD trong toàn Công ty nhằm nâng cao phong cách phục vụ để hài lòng du khách.

Tiếp tục áp dụng các tiêu chí chất lượng phục vụ, thái độ phục vụ khách của nhân viên vào việc đánh giá mức độ hoàn thành công việc, ngày càng nâng cao chất lượng nguồn nhân lực của Công ty.

Có chính sách tuyển dụng hợp lý nhằm đảm bảo nhân sự cho các hoạt động hiện có của công ty và chuẩn bị nhân sự cho những dịch vụ, sản phẩm mới mà công ty sắp đầu tư.

Nâng cao ý thức phục vụ trong kinh doanh, tránh làm mất giá trị văn hóa của Công ty và của người Đà Lạt.

c. Công tác đầu tư xây dựng

- Khai thác có hiệu quả cao nhất các nguồn tài nguyên của Công ty.

- Tiếp tục đầu tư, tôn tạo và chỉnh trang các dịch vụ hiện hữu để cơ sở hạ tầng tại các đơn vị luôn được khang trang, xanh sạch đẹp. Bên cạnh đó sẽ tổ chức các cuộc thi trong toàn Công ty để chọn lọc ý tưởng cho các hạng mục, tiểu cảnh chụp hình để thu hút giới trẻ đến với các khu du lịch.

- Tập trung nghiên cứu và thường xuyên đưa ra các công trình, các tiểu cảnh đặc sắc.

- Tiếp tục nghiên cứu hoặc hợp tác với các Công ty chuyên nghiệp để đưa ra các sản phẩm lưu niệm, đặc biệt mang thương hiệu Dalattourist.

- Đẩy mạnh đầu tư xây dựng các dự án, hạng mục công trình theo Quy hoạch chi tiết một phần khu A Khu du lịch sinh thái thác Datanla.

- Tiếp tục chỉnh trang, tôn tạo cảnh quan sân vườn và Nhà hàng Thủy Tạ.

d. Công tác mua hàng tập trung:



- Tiếp tục phối hợp chặt chẽ với đơn vị trong việc kiểm tra, giám sát, theo dõi để xử lý các vấn đề phát sinh trong quá trình thực hiện việc cung ứng hàng hóa.

- Tích cực, chủ động tìm thêm các nhà cung ứng mới để tạo sự cạnh tranh lành mạnh, công bằng về giá hàng hóa đầu vào.

- Kiểm soát chặt chẽ nguồn nguyên liệu đầu vào đối với những đơn vị tự chủ động mua hàng, phải nắm rõ nguồn gốc pháp lý và khả năng gánh chịu trách nhiệm trước pháp luật về nguồn gốc hàng hóa do đơn vị cung cấp.

- Kiểm tra chất lượng hàng hóa đầu vào làm căn cứ để điều chỉnh giá cho phù hợp với thị trường và quy mô của doanh nghiệp.

- Thống nhất mã hàng hóa cho cả hệ thống để làm dữ liệu thực hiện gọi hàng trên phần mềm Gihotech.

- Lập quỹ dự phòng để có thể chủ động dự trữ nguồn hàng được khuyến mãi theo tháng, quý, năm.

e. Công tác Kế toán – Tài chính, Kiểm soát nội bộ:

Về nhân sự : Luân chuyển cán bộ, người lao động để đào tạo nhân sự có kỹ năng trong nhiều công đoạn của chu trình kế toán.

Về công nghệ : Tích cực phối hợp với xu hướng số hóa của Nhà nước, Thuế và các đối tác để tích hợp công nghệ số vào công tác kế toán, như: hóa đơn điện tử, hồ sơ tài sản, phần mềm kế toán, ... tiến đến có thể lập và dự báo một số chỉ tiêu kinh tế theo quý, năm.

Lập kế hoạch và phân công trách nhiệm cụ thể trong việc kiểm tra, giám sát tình hình thu, chi tài chính; tăng cường giám sát công tác bán hàng tại các đơn vị, tình hình quản lý nguyên nhiên vật liệu, tiêu hao vật tư, quản lý công cụ, dụng cụ, quản lý và sử dụng TSCĐ trong toàn Công ty. Đảm bảo tính tiết kiệm, hợp lý góp phần nâng cao hiệu quả kinh doanh.

Thực hiện việc kiểm tra các công đoạn trong quy trình kế toán của các đơn vị thành viên để bảo đảm việc hạch toán là đầy đủ, chính xác, tuân thủ đầy đủ chế độ kế toán của Nhà nước và yêu cầu quản trị của Công ty.

Đề xuất các giải pháp để khắc phục, ngăn ngừa các sai sót hay sai phạm đã xảy ra, có thể xảy ra tại tất cả các đơn vị và cá nhân trong Công ty và các đơn vị thành viên.

Tăng cường hơn nữa công tác kiểm soát nội bộ để đảm bảo các cấp quản lý và người lao động tuân thủ đúng các nội quy, quy chế hoạt động của Công ty.

Về chức năng tài chính: Phân tích, đánh giá đối với các khoản đầu tư trong tình hình mới, đặc biệt là dự báo dịch Covid-19 còn có khả năng kéo dài, đề đề xuất chính sách phù hợp, giảm rủi ro và tổn thất, kể cả cần thiết phải "cắt lỗ" khi cần.

12. Thông tin về những cam kết nhưng chưa thực hiện của Công ty

(Thông tin về trái phiếu chuyển đổi, thông tin về các hợp đồng thuê sử dụng đất, ...)

Không có.

13. Các thông tin, các tranh chấp kiện tụng liên quan tới Công ty mà có thể ảnh hưởng đến giá cổ phần khi chuyển nhượng vốn

Không có.

**VI. THÔNG TIN VỀ VIỆC TỔ CHỨC THỰC HIỆN CHUYỂN NHƯỢNG VỐN**

1. **Tên cổ phần chuyển nhượng:** Cổ phần Công ty Cổ phần Du lịch Lâm Đồng
2. **Loại cổ phần:** Cổ phần phổ thông, tự do chuyển nhượng
3. **Mệnh giá:** 10.000 đồng/cổ phần
4. **Tổng số cổ phần dự kiến chuyển nhượng:** 01 lô tương ứng với 4.638.124 cổ phần (chiếm tỷ lệ 11,71% tổng số cổ phần đã phát hành theo vốn thực góp trong vốn điều lệ).
5. **Giá khởi điểm một lô cổ phần:** 138.764.000.000 đồng/lô cổ phần
6. **Bước giá:** 1.000.000 đồng/lô cổ phần
7. **Phương pháp/cơ sở tính giá khởi điểm**

Mức giá khởi điểm bán đấu giá cổ phiếu của Công ty Cổ phần Du lịch Lâm Đồng thuộc sở hữu của Tổng Công ty Đầu tư và Kinh doanh vốn Nhà nước được tính dựa trên các căn cứ sau:

a. Căn cứ theo Nghị định số 140/2020/NĐ-CP ngày 30/11/2020 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 126/2017/NĐ-CP ngày 16 tháng 11 năm 2017 của Chính phủ về chuyển doanh nghiệp nhà nước và công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên do doanh nghiệp nhà nước đầu tư 100,00% vốn điều lệ thành công ty cổ phần; Nghị định số 91/2015/NĐ-CP ngày 13 tháng 10 năm 2015 của Chính phủ về đầu tư vốn nhà nước vào doanh nghiệp và quản lý, sử dụng vốn, tài sản tại doanh nghiệp và Nghị định số 32/2018/NĐ-CP ngày 08 tháng 3 năm 2018 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 91/2015/NĐ-CP;

- Căn cứ Chứng thư thẩm định giá số 101701/2022/CTTĐG-CIMEICO ngày 17/10/2022 của Công ty Công ty TNHH Định giá Cimeico và Báo cáo thẩm định giá số 101701/2022/BCTĐG-CIMEICO ngày 17/10/2022. Các phương pháp thẩm định giá được sử dụng là phương pháp tài sản và phương pháp chiết khấu dòng tiền thuần vốn chủ sở hữu của doanh nghiệp.

b. Căn cứ Quyết định số 340/QĐ-ĐTKDV ngày 26/10/2022 của Tổng công ty Đầu tư và kinh doanh vốn Nhà nước về việc bán cổ phần của Tổng công ty Đầu tư và kinh doanh vốn Nhà nước tại Công ty Cổ phần Du lịch Lâm Đồng.

8. **Phương thức chuyển nhượng vốn:** Bán đấu giá công khai cả lô, theo đó nhà đầu tư phải đăng ký mua ít nhất 01 lô tương ứng với toàn bộ số cổ phần chào bán (4.638.124 cổ phần).

9. **Địa điểm tổ chức đấu giá:** Công ty CP Du lịch Lâm Đồng.

10. **Tổ chức thực hiện đấu giá**

Công ty CP Chứng khoán Ngân hàng Công thương VN – Chi nhánh Đà Nẵng

Địa chỉ: Tầng 8, số 36 Trần Quốc Toàn, phường Hải Châu I, quận Hải Châu, thành phố Đà Nẵng

Điện thoại: (024) 3974 1771 - Fax: (0236) 3884 788





Website: www.cts.vn

11. Thời gian thực hiện chuyển nhượng vốn: năm 2022

12. Lập và nộp hồ sơ đăng ký tham gia đấu giá theo cả lô

Thực hiện theo quy định tại Quy chế bán đấu giá công khai cả lô cổ phần của Tổng công ty Đầu tư và Kinh doanh vốn Nhà nước tại Công ty Cổ phần Du lịch Lâm Đồng.

13. Giới hạn về tỷ lệ nắm giữ đối với người nước ngoài

Trong các ngành nghề kinh doanh Công ty đã đăng ký, một số ngành nghề kinh doanh thuộc danh mục ngành, nghề hạn chế tiếp cận thị trường đối với nhà đầu tư nước ngoài được quy định tại Phụ lục I, Nghị định 31/2021/NĐ-CP ngày 26 tháng 03 năm 2021 hướng dẫn Luật Đầu tư 2020 và Thông tin đăng tải trên Cổng thông tin Quốc gia về Đầu tư.

Tỷ lệ sở hữu nước ngoài tối đa đối với các ngành nghề kinh doanh hạn chế tiếp cận thị trường đối với Nhà đầu tư nước ngoài, một số ngành của Công ty cụ thể như sau:

STT	Một số ngành của Công ty	Quy định về tỷ lệ sở hữu nước ngoài	Căn cứ
1	Hoạt động của các công viên vui chơi và công viên theo chủ đề; chi tiết: Hoạt động dịch vụ các khu danh lam, thắng cảnh, khu vui chơi, giải trí.	Không hạn chế	
2	Vận tải hành khách đường bộ khác; chi tiết: Kinh doanh vận tải hành khách theo tuyến cố định, theo hợp đồng.	Không hạn chế	Biểu Cam kết của Việt Nam trong WTO (ngành Dịch vụ vận tải hành khách bằng đường bộ)
3	Bán buôn sản phẩm thuốc lá, thuốc láo.	0%	Biểu Cam kết của Việt Nam trong WTO (ngành Bán buôn sản phẩm Thuốc lá)
4	Điều hành tour du lịch Chi tiết: Kinh doanh lữ hành nội địa, lữ hành quốc tế	0%	Biểu Cam kết của Việt Nam và WTO (ngành Điều hành tour du lịch). Nghị định 31/2021/NĐ-CP hướng dẫn Luật Đầu tư ngày 26/03/2021. Thông tin trên cổng thông tin điện tử Quốc gia về Đầu tư.



Như vậy, mức tỷ lệ sở hữu đối với Nhà đầu tư nước ngoài áp dụng với Công ty Cổ phần Du lịch Lâm Đồng tối đa là: 0% vốn điều lệ.

Theo đó, Số lượng cổ phần tối đa có thể bán cho các nhà đầu tư nước ngoài trong đợt chào bán cổ phiếu để chuyển nhượng vốn của SCIC tại CTCP Du lịch Lâm Đồng là: 0 cổ phần, tương ứng với 0% vốn điều lệ CTCP Du lịch Lâm Đồng.

14. Các hạn chế liên quan đến việc chuyển nhượng vốn: Không có.

15. Các loại thuế có liên quan

❖ Đối với việc chuyển nhượng chứng khoán: Thực hiện theo Thông tư số 92/2015/TT-BTC ngày 15/06/2015 Hướng dẫn thực hiện thuế giá trị gia tăng và thuế thu nhập cá nhân đối với cá nhân cư trú có hoạt động kinh doanh, hướng dẫn thực hiện một số nội dung sửa đổi, bổ sung về thuế thu nhập cá nhân quy định tại Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của các Luật về thuế số 71/2014/QH13 và Nghị định số 12/2015/NĐ-CP ngày 12/02/2015 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của các Luật về thuế và sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định về thuế.

❖ Thuế thu nhập doanh nghiệp: Công ty có nghĩa vụ nộp thuế thu nhập doanh nghiệp theo thuế suất là 20% tính trên thu nhập chịu thuế.

❖ Thuế Giá trị gia tăng: Công ty nộp thuế giá trị gia tăng theo phương pháp khấu trừ là 10%.

❖ Các loại Thuế khác và Lệ phí nộp theo quy định hiện hành.

16. Các thông tin khác: Không có

VII. MỤC ĐÍCH CHUYỂN NHƯỢNG VỐN

Mục đích chuyển nhượng vốn cổ phần của SCIC tại Công ty nhằm cơ cấu danh mục đầu tư theo chủ trương thoái vốn đầu tư của SCIC tại các doanh nghiệp mà SCIC không cần giữ cổ phần. Việc chuyển nhượng cổ phần của SCIC tại Công ty chỉ làm thay đổi tỷ lệ sở hữu của cổ đông SCIC trong cơ cấu cổ đông của Công ty mà không làm thay đổi mức vốn điều lệ đã đăng ký.



VIII. CÁC TỔ CHỨC CÓ LIÊN QUAN ĐẾN CHUYÊN NHƯỢNG VỐN

1. Tổ chức là chủ sở hữu vốn chuyên nhượng

TỔNG CÔNG TY ĐẦU TƯ VÀ KINH DOANH VỐN NHÀ NƯỚC (SCIC)

Địa chỉ: Số 117 Trần Duy Hưng, phường Trung Hòa, quận Cầu Giấy, thành phố Hà Nội.

Điện thoại: (84-24) 3824 0703 - Fax: (84-24) 6278 0136

2. Tổ chức có vốn của doanh nghiệp Nhà nước chuyên nhượng

CÔNG TY CỔ PHẦN DU LỊCH LÂM ĐỒNG

Trụ sở chính: Số 01 Lê Đại Hành, phường 1, thành phố Đà Lạt, tỉnh Lâm Đồng.

Điện thoại: 02633 823829 - Fax: 02633 810363

3. Tổ chức tư vấn và thực hiện đấu giá

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN NGÂN HÀNG CÔNG THƯƠNG VIỆT NAM – CHI NHÁNH ĐÀ NẴNG (VietinBank Securities)

Địa chỉ: Tầng 8, số 36 Trần Quốc Toàn, phường Hải Châu I, quận Hải Châu, thành phố Đà Nẵng.

Điện thoại: (024) 3974 1771 - Fax: (0236) 3884 788

4. Tổ chức thẩm định giá

CÔNG TY TNHH ĐỊNH GIÁ CIMEICO (CIMEICO)

Văn phòng chính: Số 24 Trần Kim Xuyên, phường Yên Hòa, quận Cầu Giấy, thành phố Hà Nội

ĐT: 02466.624.637 - Fax: 02462.753.376

5. Tổ chức kiểm toán (kiểm toán BCTC năm 2019, năm 2020 và năm 2021)

CÔNG TY TNHH HÃNG KIỂM TOÁN AASC

Trụ sở chính: Số 01 Lê Phụng Hiểu, quận Hoàn Kiếm, thành phố Hà Nội.

ĐT: (024) 3824 1990 - Fax: (024) 3825 3973



IX. BÁO CÁO CỦA CHỦ SỞ HỮU VỐN CHUYÊN NHƯỢNG VỀ NỘI DUNG THÔNG TIN TRONG BẢN CÔNG BỐ THÔNG TIN CÓ LIÊN QUAN ĐẾN CHỦ SỞ HỮU VỐN CHUYÊN NHƯỢNG

Bản công bố thông tin này được Công ty Cổ phần Chứng khoán Ngân hàng Công thương Việt Nam – Chi nhánh Đà Nẵng (VietinBank Securities) xây dựng một cách trung thực, hợp lý và cân trọng dựa trên cơ sở các thông tin do Tổng công ty Đầu tư và Kinh doanh vốn Nhà nước và Công ty Cổ phần Du lịch Lâm Đồng cung cấp.

Bản công bố thông tin được cung cấp nhằm mục đích giúp nhà đầu tư có thể đánh giá chung về tình hình tài chính và kết quả kinh doanh của doanh nghiệp trước khi đăng ký mua cổ phần. Tuy nhiên, do đợt chào bán này không phải là đợt phát hành/chào bán cổ phiếu của doanh nghiệp để huy động vốn trên thị trường sơ cấp nên Bản công bố thông tin này được chúng tôi xây dựng với khả năng và nỗ lực cao nhất từ các nguồn đáng tin cậy như đã trình bày và mong muốn công bố/thông báo tới Nhà đầu tư về tình hình doanh nghiệp và các thông tin liên quan đến doanh nghiệp.

Bản công bố thông tin này không bảo đảm rằng đã chứa đựng đầy đủ các thông tin về doanh nghiệp và chúng tôi cũng không thực hiện phân tích, đưa ra bất kỳ ý kiến đánh giá nào với hàm ý đảm bảo giá trị của cổ phiếu. Do đó, chúng tôi khuyến nghị nhà đầu tư trước khi tham gia đấu giá cần tìm hiểu thêm thông tin về doanh nghiệp, bao gồm nhưng không giới hạn như Điều lệ doanh nghiệp, các Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông, các Nghị quyết Hội đồng quản trị, các Báo cáo của Ban Kiểm soát, các Báo cáo tài chính, Báo cáo kiểm toán, tình hình doanh nghiệp, Báo cáo thường niên, ... cũng như bảo đảm rằng việc đăng ký mua hay thực hiện giao dịch là đúng thẩm quyền, tuân thủ các quy định về công bố thông tin, giao dịch của cổ đông lớn, người nội bộ, giới hạn tỷ lệ sở hữu, được thanh toán bằng nguồn tiền hợp pháp, phù hợp với quy định của pháp luật hiện hành.

VietinBank Securities và nhân viên của VietinBank Securities (bao gồm cả nhân viên thực hiện Bản Công bố thông tin này) có thể đang sở hữu, mua bán (ngoài đợt chào bán cổ phần của SCIC), thực hiện các dịch vụ môi giới, tư vấn đầu tư, hoặc các dịch vụ khác trong phạm vi pháp luật cho phép liên quan đến cổ phần của Công ty Cổ phần Du lịch Lâm Đồng cho SCIC, chính Công ty Cổ phần Du lịch Lâm Đồng và các khách hàng khác của VietinBank Securities và các công ty con, công ty liên kết. Nhà đầu tư cần xem xét, đánh giá khả năng mâu thuẫn lợi ích khi sử dụng Bản Công bố thông tin này.



Nhà đầu tư tham gia mua cổ phần có trách nhiệm tìm hiểu, đánh giá các thông tin về doanh nghiệp và chịu trách nhiệm về quyết định đầu tư của mình. Tổ chức có vốn nhà nước được chuyển nhượng, Tổ chức là chủ sở hữu vốn chuyển nhượng, Tổ chức tư vấn và các công ty con, công ty liên kết, nhân viên của họ không chịu trách nhiệm về việc Nhà đầu tư sử dụng Bản công bố thông tin này cho mục đích của mình.

Hà Nội, ngày 01.. tháng 11.. năm 2022

ĐẠI DIỆN

TỔ CHỨC LÀ CHỦ SỞ HỮU VỐN CHUYÊN NHƯỢNG

TỔNG CÔNG TY ĐẦU TƯ VÀ KINH DOANH VỐN NHÀ NƯỚC



Lê Thanh Tuấn

ĐẠI DIỆN

TỔ CHỨC CÓ VỐN CỦA DOANH NGHIỆP NHÀ NƯỚC CHUYÊN NHƯỢNG

CÔNG TY CỔ PHẦN DU LỊCH LÂM ĐỒNG



TỔNG GIÁM ĐỐC

Nguyễn Thị Kim Giang

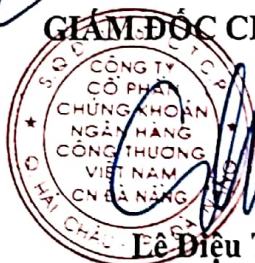
ĐẠI DIỆN

TỔ CHỨC TƯ VẤN

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN NGÂN HÀNG CÔNG THƯƠNG

VIỆT NAM – CHI NHÁNH ĐÀ NẴNG

GIÁM ĐỐC CHI NHÁNH



Lê Diệu Thúy